TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH
TRUNG TÂM GDQP&AN

Số: 54 /QĐ-TTQPAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận hoàn thành chương trình GDQP&AN
Và cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDQP&AN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

Căn cứ thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý văn bằng chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDQPAN thuộc Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả thi kết thúc học phần môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các chuyên ngành bậc Đại học chính quy của Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận hoàn thành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng an ninh và cấp Chứng chỉ GDQP&AN cho 1286 sinh viên các chuyên ngành bậc đại học chính quy của Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội được đào tạo tại Trung tâm GDQP&AN từ ngày 02/03/2026 đến ngày 20/03/2026 trong năm học 2025-2026. *(Có danh sách kèm theo).*

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Đào tạo-Quản lý sinh viên, Phòng Hành chính-Tổ chức, Khoa chuyên môn và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Trường ĐHCNTMHN
- Như điều 3(t/h)
- Lưu: VT, TTQPAN, (P.05)

GIÁM ĐỐC

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH

PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH
TRUNG TÂM GDQP&AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI ĐÃ HOÀN THÀNH MÔN HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GDQP&AN

(Kèm QĐ số: 54 /QĐ - TTQPAN ngày 30 tháng 03 năm 2026)

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
*	*Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí (DHCK1-K10)*											
1	1	2025600707	Nguyễn Tuấn	Anh	30/05/2007	Quảng Ninh	8.2	7.5	8.4	9.1	**8.30**	
2	2	2025600907	Trần Quốc	Anh	02/08/2006	Bắc Ninh	6.4	6.4	7.3	5.9	**6.50**	
3	3	2025600433	Nguyễn Tiến	Ánh	04/12/2007	Hà Tĩnh	8.0	7.3	7.3	8.0	**7.65**	
4	4	2025600874	Bùi Đăng	Công	10/07/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	7.3	6.6	**6.85**	
5	5	2025600609	Nguyễn Quang	Dũng	23/02/2007	Hải Phòng	6.6	6.4	7.3	7.3	**6.90**	
6	6	2025600674	Trần Hoàng	Dũng	22/01/2007	Hà Nội	6.4	6.4	7.3	6.6	**6.68**	
7	7	2025600256	Đặng Anh	Duy	02/11/2007	Ninh Bình	7.3	7.1	8.0	6.4	**7.20**	
8	8	2025600628	Nguyễn Thanh	Duy	15/04/2007	Hải Phòng	7.3	7.1	7.5	7.3	**7.30**	
9	9	2025600566	Phạm Thế	Duy	08/10/2007	Gia Lai	7.1	6.4	7.5	8.0	**7.25**	
10	10	2025600899	Trần Bình	Dương	11/01/2007	Hà Nội	6.6	6.4	8.0	8.0	**7.25**	
11	11	2025600249	Nguyễn Thành	Đạt	26/08/2007	Hà Nội	7.1	6.6	7.3	6.8	**6.95**	
12	12	2025601003	Nguyễn Văn	Điệp	24/05/2007	Thanh Hoá	7.3	6.4	7.3	7.3	**7.08**	
13	13	2025600699	Đào Ngọc	Đức	03/12/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	8.0	7.3	**7.03**	
14	14	2025600374	Hoàng Trung	Đức	06/12/2007	Tuyên Quang	7.8	7.1	8.0	8.0	**7.73**	
15	15	2025600632	Mai Quý	Hải	17/03/2007	Lào Cai	5.9	7.1	8.0	8.0	**7.25**	
16	16	2025601563	Lê Anh	Hào	04/12/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	8.0	8.0	**7.65**	
17	17	2025600733	Hà Văn	Hiền	12/01/2007	Phú Thọ	7.3	6.6	8.0	8.2	**7.53**	
18	18	2025600910	Diêm Việt	Hoàng	08/02/2007	Hà Nội	7.1	5.5	6.4	7.4	**6.60**	
19	19	2025600736	Nguyễn Nhật	Hoàng	23/01/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.3	9.2	**7.50**	
20	20	2025600803	Trần Mạnh	Hùng	16/05/2007	Hải Phòng	7.1	6.4	8.0	6.6	**7.03**	
21	21	2025600408	Hoàng Văn	Hưng	19/03/2007	Thanh Hoá	7.3	7.3	7.3	8.0	**7.48**	
22	22	2025600673	Lại Ngọc	Hưng	27/09/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.3	8.0	**7.03**	
23	23	2025600686	Nguyễn Hữu	Hưng	20/01/2007	Phú Thọ	7.1	7.3	8.0	8.0	**7.60**	
24	24	2025600629	Nguyễn An	Khang	07/11/2007	Hải Phòng	6.4	6.4	7.3	7.1	**6.80**	
25	25	2025600543	Trần Tùng	Lâm	15/08/2007	Hà Nội	6.4	6.4	6.6	7.1	**6.63**	
26	26	2025600359	Phạm Anh	Liêm	10/02/2007	Ninh Bình	7.3	7.1	7.3	7.3	**7.25**	
27	27	2025600797	Lê Hải	Long	18/12/2007	Hải Phòng	7.8	7.1	7.3	7.3	**7.38**	
28	28	2025601911	Lương Đại	Long	18/04/2007	Lâm Đồng	7.1	6.4	8.0	8.7	**7.55**	
29	29	2025600749	Đậu Xuân	Minh	15/12/2007	Thanh Hoá	7.8	7.3	6.6	8.7	**7.60**	
30	30	2025600505	Đỗ Trọng	Nghĩa	19/10/2007	Lào Cai	6.4	6.4	7.6	7.1	**6.88**	
31	31	2025601567	Đỗ Xuân	Nghiêm	13/02/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	6.6	6.8	**7.00**	
32	32	2025600224	Lương Đức	Nhân	24/11/2007	Ninh Bình	7.1	6.4	7.8	7.3	**7.15**	
33	33	2025600741	Trịnh Văn	Nhật	15/07/2007	Bắc Ninh	6.5	7.1	6.6	7.8	**7.00**	
34	34	2025600325	Đỗ Văn	Phan	02/01/2007	Hưng Yên	6.4	5.9	6.6	8.0	**6.73**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
35	35	2025600128	Nguyễn Hải	Phong	06/01/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	6.6	8.0	**7.20**	
36	36	2025600488	Trần Đắc	Phú	05/06/2007	Ninh Bình	7.8	6.4	6.6	8.0	**7.20**	
37	37	2025600849	Nguyễn Văn	Phúc	18/11/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	6.2	7.1	**6.70**	
38	38	2025600189	Lý Anh	Quân	21/06/2007	Hải Phòng	7.1	5.7	7.3	7.6	**6.93**	
39	39	2025600502	Dương Đức	Sơn	06/01/2007	Phú Thọ	7.1	7.8	7.3	7.5	**7.43**	
40	40	2025600771	Lại Hoàng	Sơn	31/03/2007	Bắc Ninh	7.5	8.0	8.4	8.2	**8.03**	
41	41	2025600524	Nguyễn Phạm Hoàng	Sơn	24/08/2007	Hà Nội	6.6	6.4	7.3	6.6	**6.73**	
42	42	2025600547	Lê Anh	Tiến	05/12/2007	Hải Phòng	6.4	6.4	6.6	7.3	**6.68**	
43	43	2025600808	Hoàng Duy	Tú	18/03/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.3	7.1	**6.80**	
44	44	2025600870	Bùi Công	Tuấn	28/07/2007	Hải Phòng	7.1	6.6	7.3	8.0	**7.25**	
45	45	2025600388	Nguyễn Văn	Tuyền	01/11/2007	Phú Thọ	7.4	7.4	8.3	8.3	**7.85**	
46	46	2025600712	Lương Xuân	Thắng	24/12/2007	Đắk Lắk	7.1	7.1	8.0	6.6	**7.20**	
47	47	2025600214	Tạ Hữu	Thông	10/10/2007	Hồ Chí Minh	7.1	7.1	8.0	8.5	**7.68**	
48	48	2025600680	Nguyễn Văn	Trường	04/01/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	8.0	6.6	**7.03**	
49	49	2025600676	Phạm Thế	Vỹ	09/10/2007	Hải Phòng	7.1	6.4	8.0	5.9	**6.85**	
*	***Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí (DHCK2-K10)***											
50	1	2025601731	Lê Đức	Anh	21/05/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	7.3	7.3	**6.68**	
51	2	2025601678	Nguyễn Trọng Tuấn	Anh	04/09/2007	Nghệ An	5.7	7.1	8.2	7.1	**7.03**	
52	3	2025601189	Nguyễn Việt	Bách	26/12/2007	Hà Nội	6.4	7.3	8.0	6.4	**7.03**	
53	4	2025601663	Nguyễn	Bính	18/01/2007	Hưng Yên	6.6	6.4	7.3	8.7	**7.25**	
54	5	2025601687	Lê Văn	Cường	29/09/2007	Thanh Hoá	6.6	7.3	8.0	8.0	**7.48**	
55	6	2025601073	Nguyễn Mạnh	Cường	10/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.3	8.7	**7.55**	
56	7	2025601795	Phạm Ngọc	Châu	17/04/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	6.6	6.6	**6.33**	
57	8	2025601832	Đỗ Tiến	Dũng	10/12/2007	Hưng Yên	8.2	8.2	8.4	9.8	**8.65**	
58	9	2025601087	Bùi Quang	Duy	14/11/2007	Hà Nội	7.8	7.1	7.3	6.4	**7.15**	
59	10	2025601133	Trần Đại	Dương	31/03/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.3	8.0	**7.03**	
60	11	2025601422	Phạm Quang	Đại	12/05/2007	Ninh Bình	7.8	7.1	7.3	8.0	**7.55**	
61	12	2025601260	Đặng Tiến	Đạt	19/04/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.3	8.7	**7.38**	
62	13	2025601214	Lê Hữu Hải	Đăng	03/06/2007	Bắc Ninh	7.5	7.5	8.4	9.1	**8.13**	
63	14	2025601364	Nguyễn Duy	Giang	22/01/2007	Nghệ An	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
64	15	2025601380	Nguyễn Thế	Hải	10/11/2007	Bắc Ninh	6.6	7.1	8.0	7.8	**7.38**	
65	16	2025601190	Nguyễn Đức	Hiếu	01/11/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	8.0	8.0	**7.20**	
66	17	2025601705	Nguyễn Đức	Hiếu	31/10/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.1	6.6	**6.80**	
67	18	2025601603	Nguyễn Huy	Hiếu	15/12/2007	Hải Phòng	5.7	6.4	7.3	7.3	**6.68**	
68	19	2025601826	Lê Công	Hùng	09/07/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	8.0	5.9	**6.85**	
69	20	2025601080	Hoàng Bá	Huy	20/03/2007	Hà Nội	7.4	7.2	8.1	8.8	**7.88**	
70	21	2025601061	Trần Quang	Huy	16/04/2007	Ninh Bình	5.7	6.6	8.0	7.3	**6.90**	
71	22	2025601529	Bùi Văn	Hưng	27/08/2007	Ninh Bình	6.4	6.4	7.3	6.6	**6.68**	
72	23	2025601619	Nguyễn Trọng	Hưng	15/05/2007	Ninh Bình	5.9	7.1	8.0	7.1	**7.03**	
73	24	2025601438	Vũ Trần	Kiên	29/03/2007	Hải Phòng	7.3	7.8	8.0	6.4	**7.38**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
74	25	2025601386	Nguyễn Anh	Kiệt	18/09/2007	Phú Thọ	6.6	7.1	7.3	9.4	**7.60**	
75	26	2025601747	Nguyễn Đăng	Long	03/09/2006	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.3	8.0	**7.20**	
76	27	2025601471	Nghiêm Quang	Lương	22/07/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	6.6	5.9	**6.68**	
77	28	2025601066	Trần Tôn	Mạnh	11/09/2007	Tuyên Quang	6.4	8.0	6.9	7.3	**7.15**	
78	29	2025601330	Bùi Công	Minh	30/10/2007	Quảng Ninh	7.3	8.0	8.0	8.2	**7.88**	
79	30	2025601057	Đoàn Ngọc	Minh	25/11/2007	Bắc Ninh	7.1	7.8	8.0	6.6	**7.38**	
80	31	2025601667	Hoàng Ngọc	Minh	23/11/2007	Ninh Bình	7.1	6.6	8.0	7.3	**7.25**	
81	32	2025601788	Nguyễn Thiện Hoàn	Minh	05/04/2007	Bắc Ninh	6.5	7.4	8.3	8.3	**7.63**	
82	33	2025601366	Trần Quang	Minh	01/01/2007	Hà Nội	6.4	6.6	8.0	6.4	**6.85**	
83	34	2025601395	Nguyễn Đức	Nam	21/11/2007	Hà Nội	6.4	7.1	6.6	5.9	**6.50**	
84	35	2025601824	Vũ Hoài	Nam	07/01/2007	Hà Nội	5.9	7.1	7.3	5.7	**6.50**	
85	36	2025601492	Nguyễn Đức	Nghĩa	30/03/2007	Hải Phòng	6.6	7.3	8.0	8.0	**7.48**	
86	37	2025601797	Nguyễn Việt	Nhật	28/12/2007	Bắc Ninh	6.4	7.3	7.3	5.7	**6.68**	
87	38	2025601231	Nguyễn Thế	Phong	13/09/2007	Hà Nội	7.1	7.3	6.9	8.0	**7.33**	
88	39	2025601266	Nguyễn Minh	Tâm	10/01/2007	Bắc Ninh	6.4	6.4	7.3	7.3	**6.85**	
89	40	2025601070	Phạm Xuân	Tiến	28/11/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	8.0	8.0	**7.38**	
90	41	2025601512	Nguyễn Giao	Toàn	10/03/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	7.3	6.6	**7.03**	
91	42	2025601324	Dương Đăng	Tùng	13/04/2007	Hải Phòng	7.3	6.4	6.6	8.0	**7.08**	
92	43	2025601371	Lê Ngọc	Tứ	11/12/2006	Thanh Hoá	6.6	6.6	8.0	8.5	**7.43**	
93	44	2025601117	Nguyễn Đình	Thành	07/01/2007	Bắc Ninh	6.6	7.1	7.3	8.0	**7.25**	
94	45	2025601692	Hà Danh	Vĩ	30/07/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.3	6.6	**6.85**	
95	46	2025601022	Đỗ Thế	Vinh	24/10/2007	Hưng Yên	6.6	7.1	7.3	8.5	**7.38**	
96	47	2025601506	Trần Văn	Vũ	17/06/2007	Bắc Ninh	6.4	6.2	7.1	5.5	**6.30**	
*		*Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí (DHCK3-K10)*										
97	1	2025601891	Đào Trọng	An	27/08/2007	Phú Thọ	7.1	6.4	7.1	7.8	**7.10**	
98	2	2025601908	Dương Tùng	Anh	02/12/2007	Hải Phòng	7.2	6.4	7.1	7.3	**7.00**	
99	3	2025601895	Phạm Thành	Công	24/05/2007	Hà Nội	6.4	6.2	9.2	7.8	**7.40**	
100	4	2025601934	Nguyễn Hải	Dương	16/08/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.5	8.0	**7.68**	
101	5	2025601887	Nguyễn Thành	Đức	21/02/2007	Phú Thọ	6.4	7.3	8.5	5.9	**7.03**	
102	6	2025601875	Dương Đình Quang	Huy	27/10/2007	Thanh Hoá	7.3	7.1	7.8	8.0	**7.55**	
103	7	2025601913	Nguyễn Văn	Huy	14/08/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
104	8	2025601998	Quách Chí	Huyền	04/05/2006	Thanh Hoá	7.2	7.1	7.1	6.6	**7.00**	
105	9	2025601385	Vũ Thành	Hưng	28/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
106	10	2025601835	Lê Trung	Kiên	27/12/2007	Hưng Yên	6.7	7.4	8.8	7.6	**7.63**	
107	11	2025601847	Bùi Đức	Mạnh	20/09/2007	Hà Nội	6.4	6.6	7.8	5.9	**6.68**	
108	12	2025601839	Vương Đông	Phương	30/12/2007	Hà Nội	6.5	6.4	7.1	8.0	**7.00**	
109	13	2025602002	Đặng Đình	Quang	23/09/2007	Hưng Yên	5.7	7.1	6.4	7.1	**6.58**	
110	14	2025601936	Phạm Minh	Quân	11/08/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	8.5	7.3	**7.50**	
111	15	2025602009	Đào Ngọc	Tùng	28/12/2007	Hưng Yên	6.4	7.8	7.8	7.3	**7.33**	
112	16	2025601940	Phạm Kim	Việt	07/11/2007	Thanh Hoá	6.4	7.1	7.1	8.7	**7.33**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
*	*Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện điện tử (DHD1-K10)*											
113	1	2025600097	Đoàn Đức	Anh	04/05/2007	Ninh Bình	7.4	7.4	9.5	8.1	**8.10**	
114	2	2025600598	Nguyễn Tiến Hoàng	Anh	18/09/2007	Phú Thọ	6.4	6.4	6.4	7.3	**6.63**	
115	3	2025600398	Nguyễn Văn	Anh	13/10/2007	Hưng Yên	6.5	7.1	6.4	8.0	**7.00**	
116	4	2025600615	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2007	Bắc Ninh	6.6	7.1	6.4	8.0	**7.03**	
117	5	2025600209	Phan Ngọc Đức	Anh	21/03/2007	Thanh Hoá	6.6	5.7	6.4	7.3	**6.50**	
118	6	2025600584	Vũ Tuấn	Anh	18/06/2007	Hưng Yên	7.3	5.7	7.8	7.3	**7.03**	
119	7	2025600203	Nguyễn Trần Minh	Anh	02/09/2007	Quảng Ninh	6.7	7.4	7.9	7.2	**7.30**	
120	8	2025600137	Nguyễn Hoàng	Bình	30/08/2007	Thái Nguyên	6.6	5.7	7.8	7.1	**6.80**	
121	9	2025600412	Nguyễn Trọng	Ca	25/05/2007	Thanh Hoá	6.4	6.4	5.7	8.0	**6.63**	
122	10	2025600500	Vũ Đăng	Cường	30/08/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.8	7.3	**7.15**	
123	11	2025600273	Đàm Lê	Dũng	25/12/2007	Ninh Bình	7.1	5.7	7.8	6.6	**6.80**	
124	12	2025600310	Nguyễn Đăng	Dũng	13/05/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.8	5.9	**6.80**	
125	13	2025600197	Phan Công	Dũng	09/08/2007	Ninh Bình	6.4	6.4	7.1	8.7	**7.15**	
126	14	2025600498	Lê Bá	Duy	09/10/2004	Hải Phòng	6.4	6.4	7.8	8.0	**7.15**	
127	15	2025600320	Trịnh Đức	Dương	20/05/2007	Hà Nội	6.4	6.4	6.4	7.3	**6.63**	
128	16	2025600284	Bùi Trần Quốc	Đại	17/10/2007	Hải Phòng	6.5	5.7	7.8	8.0	**7.00**	
129	17	2025600554	Bùi Viết	Đại	10/02/2007	Phú Thọ	7.1	7.3	7.8	8.0	**7.55**	
130	18	2025600125	Nguyễn Thành	Đạt	06/01/2007	Lào Cai	7.1	6.4	7.1	8.0	**7.15**	
131	19	2025600358	Trần Bá Hải	Đăng	26/08/2007	Ninh Bình	8.2	8.2	8.2	9.1	**8.43**	
132	20	2025600504	Vũ Hoàng	Giang	24/10/2007	Hà Nội	5.7	6.4	6.4	7.3	**6.45**	
133	21	2025600236	Dương Kim	Hải	12/08/2007	Lạng Sơn	5.8	7.1	7.1	8.0	**7.00**	
134	22	2025600162	Phạm Viết	Hải	09/11/2007	Tuyên Quang	7.1	8.0	5.7	6.6	**6.85**	
135	23	2025600428	Ngô Bá	Hiếu	11/03/2007	Hà Nội	7.1	7.1	6.4	7.8	**7.10**	
136	24	2025600179	Trần Phúc	Hiếu	02/01/2007	Đắk Lắk	7.4	6.0	8.1	9.0	**7.63**	
137	25	2025600432	Nguyễn Huy	Hoàng	16/05/2007	Hưng Yên	6.4	5.7	7.1	8.0	**6.80**	
138	26	2025600337	Đào Xuân	Hùng	21/10/2007	Thanh Hoá	7.2	6.4	6.4	8.0	**7.00**	
139	27	2025600577	Dương Trung	Kiên	20/09/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	5.7	8.0	**6.80**	
140	28	2025600437	Nguyễn Trọng	Khánh	20/11/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	8.5	9.4	**7.85**	
141	29	2025600265	Nguyễn Bảo	Long	26/09/2007	Ninh Bình	7.2	7.1	9.2	8.5	**8.00**	
142	30	2025600444	Trần Thành	Long	05/06/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	8.5	7.8	**7.63**	
143	31	2025600333	Vũ Văn	Long	07/01/2007	Hải Phòng	7.3	7.1	8.5	6.6	**7.38**	
144	32	2025600622	Nguyễn Vũ	Lưu	30/01/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.8	5.9	**6.80**	
145	33	2025600331	Nguyễn Nhật	Minh	29/01/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	6.4	5.7	**6.58**	
146	34	2025600321	Phạm Quang	Minh	12/11/2007	Hải Phòng	6.4	5.7	7.8	7.6	**6.88**	
147	35	2025600186	Nguyễn Hải	Nam	09/09/2007	Bắc Ninh	7.1	6.6	8.5	8.5	**7.68**	
148	36	2025600244	Nguyễn Hoài	Nam	29/08/2007	Phú Thọ	7.1	7.8	7.1	6.4	**7.10**	
149	37	2025600119	Trịnh Công	Nhì	07/02/2007	Hưng Yên	7.1	7.8	7.8	7.3	**7.50**	
150	38	2025600148	Nguyễn Hùng	Phi	04/03/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.1	9.4	**7.68**	
151	39	2025600232	Nguyễn Văn	Phúc	19/09/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	7.8	7.8	**7.28**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
152	40	2025600616	Bùi Đức	Quang	26/09/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	7.1	8.0	**7.33**	
153	41	2025600090	Trần Đức	Quân	09/11/2007	Hà Nội	6.6	7.1	7.1	9.2	**7.50**	
154	42	2025600416	Lê Hồng	Sơn	07/11/2007	Hà Nội	7.3	6.4	7.1	8.0	**7.20**	
155	43	2025600394	Nguyễn Văn	Tâm	10/11/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	7.5	8.2	**7.58**	
156	44	2025602051	Phạm Ngọc	Tiến	13/11/2007	Hà Nội	7.3	7.3	6.2	7.3	**7.03**	
157	45	2025600565	Trần Minh	Tiến	22/11/2007	Ninh Bình	6.6	7.3	9.2	8.0	**7.78**	
158	46	2025600225	Nguyễn Anh	Tú	13/12/2007	Hà Nội	6.4	6.4	7.1	8.3	**7.05**	
159	47	2025600607	Bùi Anh	Tuấn	09/04/2007	Phú Thọ	6.4	6.4	7.1	7.3	**6.80**	
160	48	2025600569	Hoàng Anh	Tuấn	09/05/2007	Hưng Yên	6.7	6.7	8.4	8.3	**7.53**	
161	49	2025600390	Nguyễn Văn	Từ	26/01/2007	Bắc Ninh	7.1	6.6	6.4	5.9	**6.50**	
162	50	2025600098	Nguyễn Quốc	Thái	13/05/2007	Phú Thọ	7.1	7.3	8.5	5.9	**7.20**	
163	51	2025600599	Nguyễn Minh	Thạo	01/01/2007	Hưng Yên	7.1	7.3	8.5	7.3	**7.55**	
164	52	2025602071	Phạm Văn	Thiện	23/05/2004	Hưng Yên	8.2	8.2	8.9	9.8	**8.78**	
165	53	2025600167	Nguyễn Văn	Trung	31/01/2007	Bắc Ninh	7.3	6.4	7.1	8.0	**7.20**	
166	54	2025600406	Nguyễn Bảo	Việt	05/09/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.8	7.6	**7.05**	
167	55	2025600229	Nguyễn Quang	Vinh	07/04/2007	Hà Tĩnh	6.4	7.1	6.4	7.8	**6.93**	
168	56	2025600614	Trương Khải	Vinh	24/01/2007	Ninh Bình	6.4	7.3	7.8	7.8	**7.33**	
169	57	2025600168	Lê Nguyên	Vũ	04/11/2007	Thanh Hoá	7.4	7.4	8.1	8.3	**7.80**	
*		***Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện điện tử (DHD2-K10)***										
170	1	2025601318	Bùi Kim Gia	Bảo	23/12/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
171	2	2025601387	Nguyễn Khoa	Bảo	15/04/2007	Bắc Ninh	7.1	7.3	6.4	8.0	**7.20**	
172	3	2025601132	Nguyễn Bá	Bằng	19/09/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
173	4	2025601030	Đỗ Đức	Cảnh	18/07/2007	Hưng Yên	7.3	7.1	6.4	8.0	**7.20**	
174	5	2025602073	Đặng Thành	Công	19/12/2007	Hà Nội	6.4	6.4	7.8	7.8	**7.10**	
175	6	2025600694	Ngô Huy	Công	11/08/2007	Hưng Yên	6.5	6.4	7.8	7.3	**7.00**	
176	7	2025600838	Vũ Đức	Cường	30/09/2007	Hưng Yên	6.4	6.6	7.1	8.0	**7.03**	
177	8	2025601172	Nguyễn Văn	Chiến	29/11/2007	Bắc Ninh	7.2	7.4	8.1	8.3	**7.75**	
178	9	2025600812	Nguyễn Anh	Dũng	25/10/2006	Phú Thọ	7.1	7.1	7.8	9.4	**7.85**	
179	10	2025600877	Nguyễn Đình	Dũng	27/10/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	6.4	8.7	**7.33**	
180	11	2025601076	Trần Đức	Duy	20/12/2007	Bắc Ninh	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
181	12	2025600658	Nguyễn Trọng	Đại	18/09/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	9.2	7.8	**7.80**	
182	13	2025600860	Nguyễn Xuân	Đàm	08/09/2007	Thanh Hoá	6.4	6.4	7.8	7.8	**7.10**	
183	14	2025601407	Tống Thành	Đạt	23/05/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	7.8	**7.45**	
184	15	2025601029	Nguyễn Phương	Đô	30/10/2007	Hà Nội	7.2	7.1	7.8	5.9	**7.00**	
185	16	2025601250	Nguyễn Ngọc	Hiếu	30/09/2007	Hà Nội	7.1	6.4	8.5	7.3	**7.33**	
186	17	2025600913	Phạm Trung	Hiếu	06/03/2007	Hà Nội	6.4	7.1	8.5	8.0	**7.50**	
187	18	2025601015	Nguyễn Công	Hoan	29/10/2007	Ninh Bình	6.4	7.3	8.5	8.0	**7.55**	
188	19	2025601241	Tô Huy	Hoàng	21/04/2007	Bắc Ninh	6.4	7.3	8.5	5.9	**7.03**	
189	20	2025600938	Nguyễn Sỹ	Học	21/07/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
190	21	2025600666	Đỗ Đình	Hùng	17/11/2007	Bắc Ninh	7.1	7.3	7.8	6.6	**7.20**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
191	22	2025600696	Nguyễn Đức	Hùng	23/05/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	5.7	5.9	**6.28**	
192	23	2025600992	Phạm Tuấn	Hùng	06/07/2007	Hưng Yên	7.1	7.3	7.1	5.9	**6.85**	
193	24	2025601296	Đặng Quang	Huy	07/07/2007	Hưng Yên	6.6	7.3	8.7	7.1	**7.43**	
194	25	2025600713	Trần Khắc	Huy	27/08/2007	Ninh Bình	6.5	7.1	6.4	8.0	**7.00**	
195	26	2025600928	Vũ Quang	Huy	17/04/2007	Hưng Yên	7.8	7.1	7.8	8.0	**7.68**	
196	27	2025601163	Nguyễn Quang	Hưng	06/03/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	8.5	8.0	**7.50**	
197	28	2025601159	Nguyễn Việt	Hưng	21/10/2007	Hà Nội	6.4	6.4	7.8	7.1	**6.93**	
198	29	2025601273	Phạm Trọng	Hưng	15/11/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.8	5.9	**6.80**	
199	30	2025601259	Lê Đặng Văn Hoàng	Hưởng	06/10/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
200	31	2025600872	Nguyễn Duy	Khánh	01/05/2007	Bắc Ninh	6.4	6.4	7.1	7.1	**6.75**	
201	32	2025600988	Nguyễn Hải	Lâm	26/10/2007	Ninh Bình	6.5	6.4	7.8	7.3	**7.00**	
202	33	2025601246	Đào Quang	Lập	04/12/2007	Hà Nội	7.1	7.1	8.5	8.0	**7.68**	
203	34	2025600772	Dương Thành	Lộc	22/05/2007	Sơn La	8.4	8.2	8.9	8.9	**8.60**	
204	35	2025601138	Lê Đức	Mạnh	24/08/2007	Hải Phòng	6.9	7.8	7.1	7.3	**7.28**	
205	36	2025601315	Nguyễn Công	Mạnh	22/09/2007	Phú Thọ	6.9	7.1	7.8	7.3	**7.28**	
206	37	2025601126	Trần Ngọc	Minh	09/08/2007	Phú Thọ	7.1	7.8	7.8	6.6	**7.33**	
207	38	2025601158	Lê Văn	Nam	26/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
208	39	2025600962	Nguyễn Thành	Nam	03/04/2007	Thanh Hoá	7.1	7.3	7.8	8.0	**7.55**	
209	40	2025600982	Hoàng Bảo	Nguyên	30/12/2007	Tuyên Quang	6.5	7.1	7.8	6.6	**7.00**	
210	41	2025600646	Phạm Duy	Phước	19/11/2007	Phú Thọ	7.4	7.4	8.8	8.8	**8.10**	
211	42	2025601081	Nguyễn Việt	Quang	12/08/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
212	43	2025600997	Phạm Đình	Sang	13/09/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.8	7.8	**7.28**	
213	44	2025600839	Trần Quang	Sáng	04/05/2007	Ninh Bình	6.5	7.1	7.8	6.6	**7.00**	
214	45	2025600631	Nguyễn Hùng	Sơn	01/07/2007	Quảng Ninh	5.7	6.4	8.5	5.9	**6.63**	
215	46	2025600760	Đỗ Tá	Tiến	14/04/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
216	47	2025601404	Nguyễn Đức	Toàn	30/10/2007	Ninh Bình	5.7	6.4	7.1	6.4	**6.40**	
217	48	2025601091	Bùi Văn Hoàng	Thành	12/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	8.7	**7.68**	
218	49	2025600862	Nguyễn Đức	Thắng	03/03/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.8	7.3	**7.15**	
219	50	2025601237	Nguyễn Trọng	Trung	10/04/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	8.5	8.0	**7.68**	
220	51	2025601350	Vũ Quốc	Việt	10/01/2007	Thái Nguyên	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
*		***Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện điện tử (DHD3-K10)***										
221	1	2025601432	Nguyễn Đình	Anh	02/11/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
222	2	2025601476	Vũ Đình Nhật	Anh	22/01/2007	Quảng Ninh	6.4	6.9	7.8	8.0	**7.28**	
223	3	2025601494	Nguyễn Đức	Cảnh	05/01/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	8.5	8.0	**7.50**	
224	4	2025601419	Vũ Huy	Cường	12/10/2007	Hưng Yên	6.5	6.4	7.8	7.3	**7.00**	
225	5	2025601651	Bùi Mạnh	Dũng	27/09/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	7.1	7.3	**7.15**	
226	6	2025601643	Ngô Huy	Dũng	16/04/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.1	8.7	**7.33**	
227	7	2025601674	Trần Xuân	Dũng	29/10/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
228	8	2025601418	Lê Đức	Duy	10/02/2007	Hải Phòng	7.8	7.1	7.8	8.0	**7.68**	
229	9	2025601467	Trần Đức	Duy	25/02/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	8.7	**7.68**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
230	10	2025601474	Trần Nguyễn Xuân	Duy	11/07/2007	Phú Thọ	6.4	7.1	8.5	8.7	**7.68**	
231	11	2025601544	Đặng Huy	Đại	09/10/2007	Ninh Bình	6.4	6.4	7.8	9.4	**7.50**	
232	12	2025601486	Lê Bá	Đại	22/06/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	7.8	6.9	**7.23**	
233	13	2025601437	Bùi Tiến	Đạt	13/01/2007	Ninh Bình	7.4	7.4	8.8	7.9	**7.88**	
234	14	2025601557	Nguyễn Tiến	Đạt	17/11/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
235	15	2025601481	Trần Tiến	Đạt	12/11/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
236	16	2025601540	Vũ Văn	Đạt	01/10/2007	Hải Phòng	6.4	6.4	7.8	8.7	**7.33**	
237	17	2025601487	Đỗ Vũ	Đăng	08/11/2007	Hưng Yên	6.4	7.8	7.8	8.0	**7.50**	
238	18	2025601624	Phạm Hải	Đăng	18/04/2007	Lào Cai	6.5	7.1	7.8	6.6	**7.00**	
239	19	2025601531	Đỗ Anh	Đức	04/07/2007	Ninh Bình	7.1	6.4	8.5	8.7	**7.68**	
240	20	2025601571	Nguyễn Văn	Đức	10/05/2007	Bắc Ninh	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
241	21	2025601577	Trần Minh	Đức	24/11/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	6.4	**7.15**	
242	22	2025601638	Trịnh Minh	Đức	06/08/2007	Thanh Hoá	7.4	7.2	8.6	8.8	**8.00**	
243	23	2025601428	Nguyễn Trường	Giang	11/05/2007	Phú Thọ	7.1	7.3	7.8	7.3	**7.38**	
244	24	2025601459	Lưu Quang	Hào	13/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.8	7.8	8.7	**7.85**	
245	25	2025601460	Chu Đức	Hiếu	14/11/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	7.1	8.0	**7.33**	
246	26	2025601447	Nguyễn Văn	Hiếu	23/02/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
247	27	2025601613	Phạm Huy	Hoàng	26/06/2007	Ninh Bình	6.4	6.4	7.1	7.3	**6.80**	
248	28	2025601552	Nguyễn Văn	Hồng	08/04/2007	Ninh Bình	6.4	7.3	7.1	5.9	**6.68**	
249	29	2025601657	Nguyễn Duy Quốc	Huy	12/12/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	6.4	7.1	**6.75**	
250	30	2025601475	Nguyễn Phú	Khánh	05/10/2007	Hưng Yên	5.7	7.1	7.1	7.8	**6.93**	
251	31	2025601627	Trịnh Đình	Lực	16/09/2007	Bắc Ninh	6.5	7.1	7.8	6.6	**7.00**	
252	32	2025601566	Trần Đức	Lương	21/06/2007	Ninh Bình	7.3	7.1	8.5	7.8	**7.68**	
253	33	2025601579	Đặng Nguyễn Trọng	Nghĩa	25/05/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	7.8	7.6	**7.23**	
254	34	2025601417	Hà Vũ	Phong	24/10/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.1	8.0	**7.33**	
255	35	2025601685	Nguyễn Thanh	Phong	11/05/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.1	9.4	**7.50**	
256	36	2025601659	Phạm Long	Quân	22/12/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	7.8	9.4	**7.85**	
257	37	2025601484	Vũ Mạnh	Quân	12/04/2007	Tuyên Quang	7.1	7.1	7.8	7.8	**7.45**	
258	38	2025601513	Trần Văn	Sang	09/03/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	8.8	8.1	**7.93**	
259	39	2025601616	Lê Ngọc	Sơn	09/03/2007	Hà Tĩnh	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
260	40	2025601452	Ngô Văn	Tài	02/02/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.1	8.7	**7.33**	
261	41	2025602045	Nguyễn Trần Tuấn	Tài	21/11/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.8	7.8	**7.28**	
262	42	2025601457	Phạm Đăng	Thái	07/05/2007	Hưng Yên	6.4	7.8	7.1	5.9	**6.80**	
263	43	2025601411	Nguyễn Tiến	Thành	21/10/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.1	8.0	**7.15**	
264	44	2025601694	Lê Xuân	Trọng	05/02/2006	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
265	45	2025601477	Hồ Đan	Trường	04/03/2007	Nghệ An	5.8	6.4	7.8	8.0	**7.00**	
266	46	2025601551	Nguyễn Bá	Trường	26/08/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	7.8	8.5	**7.10**	
267	47	2025601435	Nguyễn Quốc	Việt	28/12/2007	Hà Nội	5.7	6.4	7.8	8.7	**7.15**	
268	48	2025601704	Phạm Quang	Vinh	02/01/2007	Thanh Hoá	7.1	6.4	7.8	8.0	**7.33**	
269	49	2025601650	Nguyễn Long	Vũ	26/11/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
*	*Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện điện tử (DHD4-K10)*											
270	1	2025601804	Nguyễn Văn	An	13/02/2007	Ninh Bình	8.4	8.2	8.9	8.7	**8.55**	
271	2	2025601750	Đoàn Tuấn	Anh	28/12/2007	Hà Nội	5.7	5.5	8.5	8.3	**7.00**	
272	3	2025600863	Ngô Việt	Anh	21/03/2007	Hải Phòng	6.9	7.1	7.8	7.8	**7.40**	
273	4	2025601992	Nguyễn Xuân	Ánh	25/09/2007	Hà Nội	7.7	7.0	7.0	7.7	**7.35**	
274	5	2025601978	Nguyễn Thành	Công	08/12/2007	Hưng Yên	7.5	7.5	8.2	8.0	**7.80**	
275	6	2025601794	Nguyễn Việt	Dũng	19/05/2007	Phú Thọ	6.4	5.7	7.8	7.1	**6.75**	
276	7	2025601917	Nguyễn Đức	Duy	12/09/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.8	8.7	**7.68**	
277	8	2025601928	Lê Quang Tùng	Dương	30/10/2007	Bắc Ninh	5.7	6.4	5.7	6.4	**6.05**	
278	9	2025601903	Nguyễn Duy Quốc	Đạt	22/05/2007	Hà Nội	6.2	6.9	6.4	7.8	**6.83**	
279	10	2025601873	Trần Thành	Đạt	03/01/2007	Phú Thọ	6.4	7.1	8.5	9.4	**7.85**	
280	11	2025601111	Nguyễn Hải	Đăng	12/04/2007	Ninh Bình	6.2	6.2	7.8	6.6	**6.70**	
281	12	2025601827	Đặng Minh	Đức	31/07/2007	Quảng Ninh	5.5	5.7	7.8	7.1	**6.53**	
282	13	2025601759	Tạ Anh	Đức	27/03/2007	Hà Nội	6.9	6.9	7.1	8.3	**7.30**	
283	14	2025601898	Lưu Công	Hồng	05/05/2007	Bắc Ninh	5.7	6.4	6.4	8.0	**6.63**	
284	15	2025601790	Nguyễn Mạnh	Hùng	21/07/2007	Hà Nội	7.1	6.2	8.5	8.5	**7.58**	
285	16	2025601915	Đỗ Trọng	Huy	19/02/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	8.7	**7.68**	
286	17	2025601833	Nguyễn Sinh	Huy	24/06/2007	Hưng Yên	7.8	7.1	7.1	8.0	**7.50**	
287	18	2025601884	Dương Trung	Kiên	14/12/2007	Bắc Ninh	7.2	7.1	6.4	7.3	**7.00**	
288	19	2025601842	Bùi Quốc	Khánh	14/09/2007	Lai Châu	7.1	6.2	7.1	7.3	**6.93**	
289	20	2025601926	Phạm Đức	Long	29/12/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.1	8.7	**7.33**	
290	21	2025601982	Đinh Đức	Mạnh	29/05/2007	Tuyên Quang	6.4	6.4	7.8	8.5	**7.28**	
291	22	2025601890	Nguyễn Duy	Nam	23/09/2007	Bắc Ninh	7.8	7.3	7.1	8.7	**7.73**	
292	23	2025601789	Nguyễn Văn	Ninh	03/10/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.1	8.0	**7.33**	
293	24	2025601869	Nguyễn Thị	Oanh	07/12/2007	Bắc Ninh	6.7	7.4	7.9	7.4	**7.35**	
294	25	2025601856	Trần Xuân	Phát	02/12/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.0	5.9	**7.13**	
295	26	2025601712	Nguyễn Cầu Chấn	Phong	04/07/2006	Hà Nội	6.9	6.2	6.4	7.8	**6.83**	
296	27	2025601720	Trần Vĩnh	Phú	16/12/2007	Hưng Yên	5.6	5.6	7.9	6.3	**6.35**	
297	28	2025602052	Nguyễn Anh	Quân	05/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.1	7.8	**7.28**	
298	29	2025601986	Nguyễn Đình	Quý	06/07/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	7.1	8.7	**7.50**	
299	30	2025601772	Nguyễn Phú	Quý	27/07/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	7.8	**7.45**	
300	31	2025601798	Nguyễn Ngọc	Sơn	27/12/2007	Hưng Yên	7.1	5.7	7.8	7.8	**7.10**	
301	32	2025602001	Nguyễn Đức	Tài	15/01/2007	Thanh Hoá	5.7	7.1	6.4	7.8	**6.75**	
302	33	2025601773	Ninh Văn	Tiến	20/03/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	6.6	**7.15**	
303	34	2025601949	Vũ Bá	Tiến	04/07/2007	Hà Nội	7.1	6.4	7.1	6.6	**6.80**	
304	35	2025601753	Lê Thanh	Tú	28/10/2007	Hải Phòng	7.1	5.7	7.8	8.0	**7.15**	
305	36	2025601780	Mai Tuấn	Tú	08/08/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.1	8.7	**7.50**	
306	37	2025602027	Nguyễn Quang	Tuấn	08/04/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	5.7	7.1	**6.58**	
307	38	2025601846	Bùi Thanh	Tùng	18/02/2007	Phú Thọ	5.5	6.2	6.6	7.3	**6.40**	
308	39	2025602011	Nguyễn Anh	Vũ	07/03/2007	Hà Nội	5.7	7.1	7.1	8.7	**7.15**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
*	*Ngành: Kế toán (DHKT1-K10)*											
309	1	2025600334	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	22/11/2007	Hà Nội	6.1	7.5	8.9	8.2	**7.68**	
310	2	2025600533	Nguyễn Thị Minh	Anh	31/08/2007	Hà Nội	7.2	6.0	7.9	7.9	**7.25**	
311	3	2025602000	Đặng Thị Ngọc	Bích	14/11/2007	Sơn La	6.7	7.2	7.9	7.7	**7.38**	
312	4	2025600664	Trần Phương	Dung	01/12/2007	Bắc Ninh	6.0	7.4	7.9	8.6	**7.48**	
313	5	2025600861	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23/07/2007	Bắc Ninh	6.7	8.1	7.9	7.2	**7.48**	
314	6	2025600927	Bùi Đức	Đăng	16/07/2007	Ninh Bình	6.5	6.9	7.3	7.3	**7.00**	
315	7	2025600253	Đồng Thu	Hà	13/11/2007	Quảng Ninh	6.7	8.1	7.2	7.9	**7.48**	
316	8	2025600697	Phạm Thị	Hà	17/08/2007	Ninh Bình	7.3	7.5	8.0	8.0	**7.70**	
317	9	2025600774	Đinh Ngọc	Hân	15/12/2007	Ninh Bình	6.7	7.2	7.9	7.4	**7.30**	
318	10	2025600454	Lê Thị Thanh	Hiền	03/06/2007	Ninh Bình	7.2	8.1	7.9	8.1	**7.83**	
319	11	2025600475	Lê Thị Thanh	Hiền	12/04/2007	Lạng Sơn	7.2	7.2	8.6	7.2	**7.55**	
320	12	2025600816	Lê Thu	Hiền	13/10/2007	Hưng Yên	7.2	7.9	7.9	8.6	**7.90**	
321	13	2025600675	Nghiêm Thị	Hợi	10/11/2007	Phú Thọ	7.4	7.2	7.9	7.9	**7.60**	
322	14	2025600348	Lê Thu	Huyền	25/10/2007	Hải Phòng	7.2	7.2	7.2	7.9	**7.38**	
323	15	2025600117	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	12/12/2007	Hưng Yên	6.5	7.2	7.7	8.6	**7.50**	
324	16	2025600626	Dương Vũ Đan	Lê	10/10/2007	Bắc Ninh	7.5	8.2	8.9	8.2	**8.20**	
325	17	2025600745	Bùi Khánh	Linh	23/07/2007	Phú Thọ	6.7	7.4	7.2	7.9	**7.30**	
326	18	2025600851	Dương Thị Cẩm	Linh	21/08/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	7.9	9.3	**8.00**	
327	19	2025600210	Nguyễn Khánh	Linh	06/08/2007	Hà Nội	5.8	7.4	6.5	8.6	**7.08**	
328	20	2025600657	Nguyễn Thị Thảo	Linh	04/10/2006	Bắc Ninh	6.7	7.9	8.6	7.9	**7.78**	
329	21	2025600169	Phạm Khánh	Linh	25/12/2007	Ninh Bình	5.8	7.4	7.9	7.2	**7.08**	
330	22	2025600279	Phạm Thị Hồng	Linh	22/03/2007	Hưng Yên	7.4	6.7	7.2	7.2	**7.13**	
331	23	2025600270	Nguyễn Hương	Ly	18/11/2007	Bắc Ninh	7.4	8.1	6.5	7.9	**7.48**	
332	24	2025600919	Nguyễn Vũ Khánh	Ly	14/09/2007	Hà Nội	6.0	7.4	7.9	7.2	**7.13**	
333	25	2025600545	Ninh Khánh	Ly	04/09/2007	Hải Phòng	7.4	6.7	8.6	7.2	**7.48**	
334	26	2025600208	Nguyễn Trọng	Mạnh	10/12/2007	Hà Nội	7.8	6.9	7.1	8.0	**7.45**	
335	27	2025600527	Ngô Thị Hương	Mơ	17/07/2007	Thái Nguyên	7.4	7.4	7.9	7.9	**7.65**	
336	28	2025600941	Nguyễn Trà	My	26/01/2007	Hà Nội	6.7	6.7	7.2	7.2	**6.95**	
337	29	2025600671	Nguyễn Trọng	Nam	17/12/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.3	6.6	**6.85**	
338	30	2025600455	Nguyễn Ánh	Ngọc	04/12/2007	Bắc Ninh	6.8	6.6	8.0	8.0	**7.35**	
339	31	2025600252	Vũ Đào	Nguyên	25/01/2007	Hải Phòng	6.5	7.2	5.8	8.6	**7.03**	
340	32	2025600587	Nguyễn Thị Khánh	Nguyệt	21/09/2007	Hà Nội	6.7	7.2	7.9	5.8	**6.90**	
341	33	2025600833	Nguyễn Phương Khánh	Nhi	08/09/2007	Ninh Bình	6.7	6.7	7.9	7.7	**7.25**	
342	34	2025600957	Bùi Thu	Phương	02/06/2007	Hưng Yên	6.8	6.8	8.9	8.2	**7.68**	
343	35	2025600319	Nguyễn Thị Mai	Phương	27/01/2006	Hải Phòng	6.7	7.2	8.6	8.1	**7.65**	
344	36	2025600372	Dương Thị Thanh	Phượng	11/07/2007	Ninh Bình	7.4	8.1	7.9	6.7	**7.53**	
345	37	2025600172	Nguyễn Anh	Quân	15/05/2007	Hưng Yên	6.5	5.7	7.8	8.0	**7.00**	
346	38	2025600290	Nguyễn Thị Khánh	Quyên	23/10/2007	Sơn La	5.8	7.2	7.9	9.3	**7.55**	
347	39	2025600814	Nguyễn Thị Thuý	Quỳnh	18/03/2007	Bắc Ninh	6.7	7.4	7.9	7.9	**7.48**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
348	40	2025600317	Lê Thị Thanh	Tâm	12/02/2007	Ninh Bình	6.5	7.2	7.9	7.9	**7.38**	
349	41	2025600573	Trịnh Ngọc Thủy	Tiên	29/11/2007	Thanh Hoá	6.5	7.4	7.9	7.9	**7.43**	
350	42	2025600983	Nguyễn Hữu	Tuấn	16/11/2007	Bắc Ninh	5.7	7.1	7.3	6.6	**6.68**	
351	43	2025600200	Nguyễn Thị Mến	Thành	12/06/2007	Bắc Ninh	6.5	7.2	7.2	5.8	**6.68**	
352	44	2025600141	Phạm Thị Phương	Thảo	03/08/2007	Lai Châu	6.7	7.4	8.6	7.9	**7.65**	
353	45	2025600287	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/10/2007	Bắc Ninh	6.6	6.6	8.7	8.0	**7.48**	
354	46	2025600520	Quách Thị Hoài	Thương	19/09/2007	Sơn La	7.7	8.4	9.1	9.1	**8.58**	
355	47	2025600956	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/08/2007	Hưng Yên	6.7	7.4	7.2	7.9	**7.30**	
356	48	2025600392	Nguyễn Thị Mai	Trang	07/11/2007	Bắc Ninh	6.0	7.4	8.6	7.9	**7.48**	
357	49	2025600462	Nguyễn Thu	Trang	10/11/2007	Điện Biên	6.5	5.8	7.9	8.6	**7.20**	
358	50	2025600590	Nguyễn Thu	Trang	27/07/2007	Phú Thọ	6.5	6.5	7.9	7.2	**7.03**	
359	51	2025600407	Trần Thị Thảo	Vi	07/10/2007	Ninh Bình	6.7	7.2	8.6	7.9	**7.60**	
360	52	2025600377	Lê Đức Triệu	Vương	22/04/2007	Bắc Ninh	6.4	6.2	7.1	6.6	**6.58**	
361	53	2025600738	Trần Hà	Vy	04/10/2007	Quảng Ninh	6.7	7.4	5.8	7.4	**6.83**	
362	54	2025600306	Tạ Thị Hải	Yến	23/10/2007	Bắc Ninh	6.7	8.1	8.1	7.4	**7.58**	
*	***Ngành: Kế toán (DHKT2-K10)***											
363	1	2025601142	Đàm Thị Mai	Anh	20/04/2007	Hà Nội	6.5	7.4	8.6	6.0	**7.13**	
364	2	2025601439	Trần Vân	Anh	05/03/2007	Hà Nội	6.7	7.4	7.9	7.4	**7.35**	
365	3	2025601523	Vũ Trần Mai	Anh	22/05/2007	Lạng Sơn	6.0	7.2	7.2	7.4	**6.95**	
366	4	2025601504	Đỗ Ngọc	Ánh	26/03/2007	Hưng Yên	6.8	8.2	8.9	8.2	**8.03**	
367	5	2025601304	Hoàng Ngọc	Ánh	14/10/2007	Ninh Bình	6.7	7.4	6.5	7.4	**7.00**	
368	6	2025601167	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	01/01/2007	Ninh Bình	6.7	8.1	7.2	6.0	**7.00**	
369	7	2025601291	Mai Lệ	Chi	04/05/2007	Hải Phòng	7.4	7.4	9.0	8.8	**8.15**	
370	8	2025601046	Tạ Thị Ngọc	Chi	22/04/2007	Hải Phòng	7.4	8.1	7.9	7.4	**7.70**	
371	9	2025601403	Vũ Thị Quỳnh	Chi	02/10/2007	Thanh Hoá	7.4	7.4	7.2	6.0	**7.00**	
372	10	2025601056	Nguyễn Thái	Dương	04/03/2007	Hà Nội	7.1	6.2	5.7	7.3	**6.58**	
373	11	2025601301	Phạm Thị Thu	Hà	30/03/2007	Phú Thọ	7.5	8.2	8.7	8.9	**8.33**	
374	12	2025601587	Nguyễn Trung	Hải	17/12/2007	Hà Nội	7.2	7.1	7.1	6.6	**7.00**	
375	13	2025601586	Hoàng Thị Thu	Hằng	27/08/2007	Nghệ An	7.4	8.1	8.3	6.7	**7.63**	
376	14	2025601416	Nguyễn Thị	Hằng	15/05/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	5.8	7.4	**7.00**	
377	15	2025601129	Phạm Thị	Hằng	27/07/2007	Hải Phòng	7.4	7.4	7.6	7.4	**7.45**	
378	16	2025601427	Nguyễn Phúc	Hậu	06/12/2007	Hưng Yên	7.4	7.4	7.9	6.7	**7.35**	
379	17	2025602034	Trần Thị Ngọc	Hiền	06/12/2007	Ninh Bình	5.8	7.4	7.9	6.5	**6.90**	
380	18	2025601069	Hoàng Mai	Hoa	15/11/2007	Bắc Ninh	7.9	7.4	7.9	7.2	**7.60**	
381	19	2025601553	Đỗ Thị	Hoàn	02/06/2007	Thanh Hoá	7.4	8.1	8.6	5.8	**7.48**	
382	20	2025601421	Lương Thị	Hương	16/01/2007	Hưng Yên	7.2	7.4	7.9	5.8	**7.08**	
383	21	2025601527	Phan Thị	Lâm	09/08/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	8.7	7.8	**7.78**	
384	22	2025601445	Ngô Thuỳ	Linh	15/02/2007	Nghệ An	7.4	8.1	7.2	7.2	**7.48**	
385	23	2025601201	Nguyễn Hà	Linh	03/12/2007	Bắc Ninh	6.8	7.3	8.7	8.7	**7.88**	
386	24	2025601288	Nguyễn Khánh	Linh	04/03/2007	Hà Nội	5.8	7.2	5.8	7.4	**6.55**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
387	25	2025601155	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/10/2007	Ninh Bình	7.4	7.4	7.2	7.9	**7.48**	
388	26	2025601205	Trần Thị Thùy	Linh	31/08/2007	Bắc Ninh	7.4	8.1	7.9	8.6	**8.00**	
389	27	2025601271	Trần	Luxi	22/01/2005	Hà Tĩnh	8.3	8.3	9.0	9.7	**8.83**	
390	28	2025601043	Đặng Khánh	Ly	15/04/2007	Hưng Yên	7.4	8.1	7.9	5.8	**7.30**	
391	29	2025601464	Nguyễn Trà	My	03/11/2007	Hà Nội	7.5	7.5	8.7	8.9	**8.15**	
392	30	2025601099	Nguyễn Công	Nhật	02/04/2007	Hưng Yên	7.8	7.8	7.8	8.0	**7.85**	
393	31	2025601168	Nguyễn Ánh Nguyệt	Nhi	25/10/2007	Bắc Ninh	6.7	7.4	7.9	7.2	**7.30**	
394	32	2025601042	Đặng Đức	Phúc	26/12/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	7.1	5.9	**6.63**	
395	33	2025600999	Lê Đặng Mai	Phương	06/11/2007	Thanh Hoá	7.4	6.7	7.9	6.5	**7.13**	
396	34	2025601351	Hà Thu	Quyên	19/12/2007	Lạng Sơn	7.2	7.2	7.9	7.4	**7.43**	
397	35	2025601100	Trần Thị Thu	Quyên	14/01/2007	Bắc Ninh	7.4	7.2	8.8	7.9	**7.83**	
398	36	2025601077	Nguyễn Thuý	Quỳnh	24/10/2007	Bắc Ninh	7.4	8.1	6.0	6.5	**7.00**	
399	37	2025601062	Lê Hoàng Anh	Tuấn	05/09/2007	Bắc Ninh	5.9	7.1	6.4	8.0	**6.85**	
400	38	2025601183	Nguyễn Thế	Tùng	01/09/2007	Hà Nội	6.8	7.5	8.2	9.1	**7.90**	
401	39	2025601332	Ngô Thị Thanh	Thảo	21/04/2007	Ninh Bình	8.1	7.4	7.2	7.2	**7.48**	
402	40	2025601516	Nguyễn Thị	Thoa	15/06/2007	Ninh Bình	7.2	7.4	8.1	6.5	**7.30**	
403	41	2025601489	Nguyễn Thị	Thơm	01/04/2007	Đồng Nai	6.8	6.8	9.1	8.9	**7.90**	
404	42	2025601035	Phạm Thị Phương	Thu	22/10/2007	Hải Phòng	6.7	7.4	7.9	7.9	**7.48**	
405	43	2025601426	Nguyễn Thị	Thủy	21/08/2007	Bắc Ninh	7.4	8.1	8.1	8.1	**7.93**	
406	44	2025601034	Lê Thị Anh	Thư	19/06/2007	Nghệ An	7.4	7.4	8.1	7.9	**7.70**	
407	45	2025601585	Lê Thị Thùy	Trang	27/11/2007	Nghệ An	7.5	7.5	9.1	8.2	**8.08**	
408	46	2025601468	Nguyễn Huyền	Trang	10/12/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	7.6	7.4	**7.45**	
409	47	2025601207	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	28/01/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	7.6	8.1	**7.63**	
410	48	2025601562	Nguyễn Thu	Trang	15/01/2007	Ninh Bình	6.7	7.4	7.9	7.4	**7.35**	
411	49	2025601227	Lê Thuỳ	Trâm	21/08/2007	Hà Nội	7.4	7.4	7.6	6.0	**7.10**	
412	50	2025601040	Ngô Thanh	Vân	05/01/2007	Bắc Ninh	8.2	7.4	9.0	7.4	**8.00**	
413	51	2025601245	Phạm Thị	Vi	23/10/2007	Hải Phòng	7.4	7.4	8.3	6.0	**7.28**	
414	52	2025601206	Nguyễn Thị	Yến	18/12/2007	Hồ Chí Minh	7.4	7.4	8.3	8.1	**7.80**	
*		***Ngành: Kế toán (DHKT3-K10)***										
415	1	2025601888	Phạm Đức	Anh	28/12/2007	Lào Cai	7.1	6.9	8.5	8.0	**7.63**	
416	2	2025601800	Nguyễn Lê Hà	Anh	04/05/2007	Hà Nội	6.6	7.3	8.0	8.0	**7.48**	
417	3	2025601894	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	19/10/2007	Phú Thọ	6.6	7.3	7.3	8.0	**7.30**	
418	4	2025602038	Nguyễn Quỳnh	Anh	22/09/2007	Hưng Yên	6.6	7.8	7.3	8.2	**7.48**	
419	5	2025601848	Phạm Quỳnh	Anh	13/08/2007	Bắc Ninh	6.6	7.3	7.3	7.3	**7.13**	
420	6	2025601882	Nguyễn Khánh	Chi	22/08/2007	Hải Phòng	8.2	8.2	8.7	9.6	**8.68**	
421	7	2025601709	Hoàng Thị	Đào	04/09/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	8.0	8.0	**7.38**	
422	8	2025601812	Nguyễn Hồng	Điệp	14/10/2007	Hà Nội	6.6	8.0	7.3	5.9	**6.95**	
423	9	2025601955	Nguyễn Tô Hương	Giang	21/01/2007	Phú Thọ	7.3	7.5	8.2	9.6	**8.15**	
424	10	2025601596	Phạm Thu	Giang	08/02/2007	Hưng Yên	6.6	7.3	7.3	7.3	**7.13**	
425	11	2025601700	Vũ Hương	Giang	18/11/2007	Hải Phòng	7.3	8.0	7.3	5.9	**7.13**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
426	12	2025601876	Nguyễn Thị	Hằng	19/06/2007	Bắc Ninh	5.9	6.6	5.9	8.0	**6.60**	
427	13	2025600575	Đoàn Thị Liên	Hoa	03/02/2007	Hưng Yên	6.6	7.8	8.0	8.0	**7.60**	
428	14	2025601612	Lê Thị	Hương	11/10/2007	Hưng Yên	7.3	7.1	8.0	7.3	**7.43**	
429	15	2025601855	Trương Vân	Khánh	25/08/2007	Hưng Yên	7.3	8.0	7.3	8.0	**7.65**	
430	16	2025601757	Nguyễn Bùi Phương	Linh	12/07/2007	Lào Cai	7.3	8.0	8.0	8.0	**7.83**	
431	17	2025601844	Nguyễn Thị Phương	Loan	24/05/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	7.3	8.0	**7.48**	
432	18	2025601851	Nguyễn Thị Thanh	Mai	04/04/2007	Bắc Ninh	6.6	8.0	7.3	8.0	**7.48**	
433	19	2025601672	Nguyễn Ngọc	Minh	11/02/2007	Hải Phòng	6.6	8.0	7.8	8.0	**7.60**	
434	20	2025600660	Nguyễn Thị	Nga	26/11/2007	Bắc Ninh	5.9	7.3	7.3	7.3	**6.95**	
435	21	2025601937	Phạm Thị Minh	Nguyệt	05/09/2007	Ninh Bình	6.6	7.3	8.0	7.3	**7.30**	
436	22	2025601792	Nguyễn Hương	Quỳnh	09/04/2007	Hải Phòng	7.3	8.0	8.0	8.0	**7.83**	
437	23	2025601932	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/08/2007	Hưng Yên	7.3	7.3	7.3	6.6	**7.13**	
438	24	2025601805	Lê Xuân	Trường	18/02/2007	Thanh Hoá	7.8	7.1	7.8	8.7	**7.85**	
439	25	2025601782	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/08/2007	Hà Nội	7.3	8.0	7.3	8.0	**7.65**	
*		***Ngành: Marketing (DHMar1-K10)***										
440	1	2025600268	Nhữ Duy	Anh	13/12/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	7.8	7.3	**7.15**	
441	2	2025600420	Nguyễn Diệp	Anh	11/12/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.0	7.3	**7.48**	
442	3	2025600343	Nguyễn Thị Huyền	Anh	10/10/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	8.9	8.2	**7.93**	
443	4	2025602072	Nguyễn Thị Phương	Anh	01/01/2007	Hà Nội	7.3	8.0	6.6	8.7	**7.65**	
444	5	2025600322	Lâm Ngọc	Ánh	26/12/2007	Lạng Sơn	6.4	7.1	8.0	7.3	**7.20**	
445	6	2025600474	Nguyễn Ngọc	Ánh	16/03/2007	Ninh Bình	7.1	7.3	8.0	8.7	**7.78**	
446	7	2025600272	Tạ Ngọc Quyết	Bách	10/02/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.8	5.9	**6.80**	
447	8	2025600468	Lưu Khánh	Dương	28/06/2007	Thanh Hoá	6.4	7.1	7.8	5.9	**6.80**	
448	9	2025600402	Trần Thùy	Dương	19/10/2007	Bắc Ninh	6.6	7.8	7.5	6.6	**7.13**	
449	10	2025600570	Trần Thùy	Dương	06/09/2007	Ninh Bình	7.3	8.0	8.0	8.7	**8.00**	
450	11	2025600497	Trần Thành	Đạt	15/08/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
451	12	2025600288	Nguyễn Trường	Giang	05/03/2007	Hà Nội	6.1	7.5	8.2	8.4	**7.55**	
452	13	2025600251	Vũ Lê	Hải	19/11/2007	Hưng Yên	5.7	6.9	7.8	7.3	**6.93**	
453	14	2025600571	Nguyễn Minh	Hạnh	17/12/2007	Hà Nội	5.7	7.1	8.0	8.5	**7.33**	
454	15	2025600395	Võ Hồng	Hạnh	08/11/2007	Hải Phòng	7.1	7.3	8.0	8.7	**7.78**	
455	16	2025600535	Ngô Thu	Hằng	11/08/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.0	6.6	**7.30**	
456	17	2025600443	Lê Trung	Hiếu	11/11/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	7.8	6.6	**6.63**	
457	18	2025600248	Nông Công	Hiếu	22/04/2007	Lâm Đồng	5.5	5.5	7.1	8.0	**6.53**	
458	19	2025600318	Phan Gia	Huy	01/10/2007	Lào Cai	6.4	6.4	7.8	8.0	**7.15**	
459	20	2025600506	Lê Thị	Huyền	29/09/2007	Hà Nội	7.3	8.0	7.3	7.3	**7.48**	
460	21	2025600440	Đinh Thị Phương	Linh	28/11/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.3	8.0	**7.20**	
461	22	2025600245	Nguyễn Diệu	Linh	26/04/2007	Hưng Yên	7.1	7.3	7.3	7.3	**7.25**	
462	23	2025600326	Nguyễn Ngọc	Linh	25/08/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.0	5.9	**7.13**	
463	24	2025600255	Phạm Thị Khánh	Linh	15/03/2007	Hưng Yên	7.3	8.0	8.0	8.7	**8.00**	
464	25	2025600625	Nguyễn Hữu	Lộc	18/12/2007	Hà Nội	6.5	6.4	7.1	8.0	**7.00**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
465	26	2025600307	Dương Khánh	Ly	14/01/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.0	8.0	**7.65**	
466	27	2025600530	Nguyễn Khánh	Ly	20/05/2007	Hà Nội	6.6	7.3	8.0	8.0	**7.48**	
467	28	2025600404	Phạm Thị	Ly	15/11/2006	Hưng Yên	6.6	8.0	8.0	7.3	**7.48**	
468	29	2025600292	Tô Dương	Ly	19/10/2007	Thái Nguyên	7.5	7.5	9.1	9.8	**8.48**	
469	30	2025600450	Hà Lê	Na	10/03/2007	Thanh Hoá	7.3	8.0	8.0	8.0	**7.83**	
470	31	2025600593	Hoàng Bảo	Ngọc	29/09/2007	Bắc Ninh	7.5	7.5	8.2	8.4	**7.90**	
471	32	2025600182	Đoàn Ánh	Nhật	10/02/2007	Hưng Yên	5.7	5.7	7.3	7.8	**6.63**	
472	33	2025600603	Hoàng Hương	Nhi	07/09/2007	Hà Nội	7.3	7.3	7.3	7.3	**7.30**	
473	34	2025600250	Nguyễn Bùi Trang	Nhung	10/01/2007	Phú Thọ	8.0	8.0	7.3	8.0	**7.83**	
474	35	2025600204	Nguyễn Thiện	Phú	18/10/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	7.1	7.3	**7.15**	
475	36	2025600379	Nguyễn Tiến Bảo	Phúc	14/02/2007	Hà Nội	5.7	6.4	7.1	6.6	**6.45**	
476	37	2025600198	Phạm Duy	Phúc	22/12/2007	Hải Phòng	8.4	8.2	8.2	9.1	**8.48**	
477	38	2025600630	Nguyễn Thu	Phương	03/12/2007	Ninh Bình	6.6	7.3	7.3	8.0	**7.30**	
478	39	2025600345	Nguyễn Hải	Quân	28/06/2007	Hà Nội	5.8	6.4	7.1	8.7	**7.00**	
479	40	2025600275	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18/06/2007	Thanh Hoá	8.0	7.3	8.0	7.3	**7.65**	
480	41	2025600557	Trần Diễm	Quỳnh	03/09/2007	Ninh Bình	7.3	6.6	8.0	7.3	**7.30**	
481	42	2025600463	Vũ Thị Tố	Tâm	30/07/2007	Ninh Bình	7.3	7.1	7.3	6.6	**7.08**	
482	43	2025600385	Nguyễn Thị	Tiên	07/11/2007	Hưng Yên	7.3	7.3	7.3	8.7	**7.65**	
483	44	2025600417	Đào Tuấn	Tú	13/11/2007	Phú Thọ	7.1	7.3	7.1	7.3	**7.20**	
484	45	2025600091	Nguyễn Quang	Tùng	12/11/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.1	8.7	**7.33**	
485	46	2025600487	Phạm Thị Phương	Thảo	27/04/2007	Quảng Trị	7.3	7.1	6.6	8.0	**7.25**	
486	47	2025600494	Phạm Ngọc	Thắng	07/02/2007	Tuyên Quang	5.7	6.4	7.1	7.3	**6.63**	
487	48	2025600459	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/02/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	7.3	8.7	**7.65**	
488	49	2025600219	Vũ Thị Thanh	Thư	16/12/2007	Gia Lai	7.3	7.1	8.0	8.7	**7.78**	
489	50	2025600579	Đoàn Thị Phương	Trang	08/01/2007	Hưng Yên	7.3	7.3	6.6	8.0	**7.30**	
490	51	2025600324	Hoàng Quỳnh	Trang	04/03/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	8.0	7.3	**7.38**	
491	52	2025601537	Lê Thị Thùy	Trang	01/01/2007	Hưng Yên	6.6	7.1	7.3	7.3	**7.08**	
492	53	2025600522	Nguyễn Hà	Trang	29/05/2007	Hà Nội	6.4	7.3	7.3	7.3	**7.08**	
493	54	2025600314	Nguyễn Thị Khánh	Trang	05/06/2007	Phú Thọ	7.3	7.3	8.2	8.7	**7.88**	
494	55	2025600259	Nguyễn Thị Tú	Uyên	12/01/2007	Hà Tĩnh	7.3	7.1	7.3	7.3	**7.25**	
495	56	2025600551	Đỗ Quốc	Việt	17/10/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.1	8.0	**7.15**	
*		***Ngành: Marketing (DHMar2-K10)***										
496	1	2025600735	Lê Tuấn	Anh	14/02/2007	Hà Nội	7.1	6.9	7.1	8.0	**7.28**	
497	2	2025601047	Phạm Hoàng	Anh	22/10/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.1	5.9	**6.80**	
498	3	2025601025	Quản Thế	Anh	22/11/2007	Sơn La	7.8	7.1	7.8	6.6	**7.33**	
499	4	2025600695	Trần Tuấn	Anh	06/12/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.1	8.0	**7.15**	
500	5	2025600642	Võ Công	Anh	02/10/2007	Nghệ An	5.9	5.7	6.4	6.6	**6.15**	
501	6	2025600690	Khuất Hoài	Anh	08/11/2007	Hà Nội	6.6	7.3	7.3	5.9	**6.78**	
502	7	2025601020	Nguyễn Vân	Anh	15/04/2007	Hưng Yên	8.0	8.0	7.3	8.2	**7.88**	
503	8	2025600924	Trần Thị	Bình	19/05/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	7.3	8.7	**7.65**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
504	9	2025600716	Phạm Hoàng	Cường	29/09/2007	Hải Phòng	6.9	5.7	7.8	8.0	**7.10**	
505	10	2025600703	Lại Xuân	Dương	07/05/2007	Ninh Bình	6.8	7.5	8.2	9.1	**7.90**	
506	11	2025601006	Nguyễn Tùng	Dương	27/01/2007	Hà Nội	6.4	6.4	7.8	8.7	**7.33**	
507	12	2025601004	Trần Thu	Hà	01/02/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	7.3	8.0	**7.48**	
508	13	2025600777	Nguyễn Thanh	Hằng	17/05/2007	Hà Nội	7.3	7.3	7.1	8.7	**7.60**	
509	14	2025600663	Lê Thanh	Hiền	28/12/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	8.0	8.7	**7.83**	
510	15	2025600853	Mai Thị	Hiền	09/08/2007	Ninh Bình	7.3	6.6	7.3	8.0	**7.30**	
511	16	2025600701	Lê Ngọc	Hiếu	28/10/2007	Hà Nội	6.4	7.1	9.2	8.0	**7.68**	
512	17	2025600832	Khiếu Thị	Huệ	28/05/2007	Hưng Yên	7.3	7.3	8.0	8.0	**7.65**	
513	18	2025600948	Nguyễn Văn	Huy	22/08/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
514	19	2025600866	Hoàng Lê Kim	Huyền	08/07/2007	Hưng Yên	6.6	7.3	8.0	8.7	**7.65**	
515	20	2025600879	Phạm Thị Lê	Khanh	30/08/2007	Hưng Yên	6.6	7.1	7.3	8.0	**7.25**	
516	21	2025600698	Khổng Thị Mai	Lan	22/09/2007	Bắc Ninh	7.3	8.0	7.3	8.7	**7.83**	
517	22	2025600891	Thái Hoàng Quang	Lê	15/07/2007	Hà Tĩnh	7.8	7.3	7.8	8.7	**7.90**	
518	23	2025601086	Khương Khánh	Linh	07/07/2007	Phú Thọ	7.1	7.3	7.3	8.0	**7.43**	
519	24	2025601041	Nguyễn Thị Khánh	Linh	14/11/2007	Bắc Ninh	7.3	7.1	6.6	8.7	**7.43**	
520	25	2025600976	Phạm Thùy	Linh	19/04/2007	Ninh Bình	6.6	7.3	6.6	8.9	**7.35**	
521	26	2025600932	Trần Thị Thanh	Mai	26/11/2007	Bắc Ninh	6.6	7.3	6.6	5.9	**6.60**	
522	27	2025600786	Nguyễn Duy	Mạnh	24/02/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	6.4	8.7	**7.15**	
523	28	2025600704	Nguyễn Văn Quang	Minh	05/04/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	6.4	8.7	**7.33**	
524	29	2025600848	Đào Thị	Na	15/02/2007	Phú Thọ	6.6	7.3	6.6	8.7	**7.30**	
525	30	2025601050	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	04/04/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	6.6	8.0	**6.85**	
526	31	2025600902	Dương Thị	Ngân	15/10/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	8.0	8.9	**7.88**	
527	32	2025601103	Lê Thị Kim	Nhi	29/12/2007	Hà Nội	7.7	7.7	7.7	9.1	**8.05**	
528	33	2025600682	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/11/2007	Quảng Trị	7.3	8.0	7.3	8.0	**7.65**	
529	34	2025601059	Đỗ Hồng	Nhung	01/10/2007	Hưng Yên	6.6	7.3	7.3	8.0	**7.30**	
530	35	2025600925	Lộc Thị	Phương	04/08/2007	Lạng Sơn	6.6	7.1	8.0	7.3	**7.25**	
531	36	2025600819	Lưu Tạ Như	Phương	01/02/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.0	6.1	**7.18**	
532	37	2025600989	Nguyễn Thị	Phương	10/02/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	7.3	6.6	**7.13**	
533	38	2025601027	Phan Thị Như	Quỳnh	16/12/2007	Nghệ An	7.3	7.3	8.0	7.3	**7.48**	
534	39	2025600991	Phạm Thị	Thanh	12/01/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	7.1	8.0	**7.43**	
535	40	2025600734	Vũ Phương	Thảo	23/03/2007	Hà Nội	6.6	7.3	8.0	8.0	**7.48**	
536	41	2025600769	Dương Thị	Thủy	13/06/2007	Bắc Ninh	6.6	7.3	6.6	5.9	**6.60**	
537	42	2025600719	Nguyễn Minh	Thư	14/07/2007	Phú Thọ	7.3	8.0	6.6	8.0	**7.48**	
538	43	2025600702	Bùi Thị Hoài	Thương	15/01/2007	Phú Thọ	7.3	8.0	6.6	8.0	**7.48**	
539	44	2025600768	Dương Thị	Thương	13/06/2007	Bắc Ninh	6.6	8.0	6.6	8.0	**7.30**	
540	45	2025600923	Nguyễn Thanh	Trà	21/06/2007	Hà Nội	6.4	7.3	6.6	6.6	**6.73**	
541	46	2025600885	Nguyễn Thị	Trang	22/08/2007	Bắc Ninh	7.3	7.3	8.7	8.7	**8.00**	
542	47	2025600754	Trần Thị Mai	Trang	19/07/2007	Hải Phòng	6.6	7.3	7.1	8.0	**7.25**	
543	48	2025600677	Nhân Đức	Trung	20/02/2007	Hà Nội	6.4	7.1	6.4	8.7	**7.15**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
544	49	2025601071	Trần Thanh	Vân	09/11/2007	Phú Thọ	6.6	7.3	7.3	8.0	**7.30**	
545	50	2025600856	Ngô Hải	Yến	27/11/2007	Hưng Yên	6.3	6.8	6.5	6.5	**6.53**	
546	51	2025601014	Nguyễn Thị Bảo	Yến	21/09/2007	Thanh Hoá	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
547	52	2025600637	Vũ Thị Hải	Yến	01/09/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.2	8.6	**7.45**	
*		***Ngành: Marketing (DHMar3-K10)***										
548	1	2025601178	Lê Thị Lan	Anh	08/10/2007	Hà Nội	7.7	7.0	7.9	7.9	**7.63**	
549	2	2025601313	Lê Thị Lan	Anh	02/10/2007	Thanh Hoá	7.0	6.3	7.9	7.4	**7.15**	
550	3	2025601251	Nguyễn Ngọc	Anh	19/03/2007	Hồ Chí Minh	7.7	6.3	7.9	7.9	**7.45**	
551	4	2025601339	Nguyễn Ngọc	Anh	01/09/2007	Hải Phòng	6.3	6.3	6.5	8.6	**6.93**	
552	5	2025601450	Nguyễn Phạm Ngọc	Anh	17/04/2007	Ninh Bình	7.0	5.6	6.5	7.7	**6.70**	
553	6	2025601137	Phạm Mai	Anh	15/11/2007	Hưng Yên	7.0	5.6	6.5	8.6	**6.93**	
554	7	2025601153	Trần Thị	Anh	10/07/2007	Hưng Yên	5.6	6.3	6.5	8.6	**6.75**	
555	8	2025601355	Vũ Thị Vân	Anh	18/12/2007	Hưng Yên	7.0	6.3	8.6	7.2	**7.28**	
556	9	2025601179	Trần Nhật	Ánh	14/12/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
557	10	2025601124	Phạm Thị Ngọc	Bích	15/02/2007	Hưng Yên	7.1	7.0	8.6	9.3	**8.00**	
558	11	2025601135	Nguyễn Thùy	Dương	30/08/2007	Hưng Yên	7.4	6.7	9.0	9.0	**8.03**	
559	12	2025601184	Nguyễn Hải	Đăng	01/08/2007	Quảng Ninh	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
560	13	2025601276	Hà Văn	Đức	17/01/2005	Tuyên Quang	6.4	7.1	7.1	6.6	**6.80**	
561	14	2025601225	Trịnh Hương	Giang	20/08/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	8.6	5.8	**7.10**	
562	15	2025601175	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/06/2007	Hải Phòng	7.7	6.3	7.2	5.8	**6.75**	
563	16	2025601391	Cao Mỹ	Hảo	03/06/2007	Ninh Bình	7.0	6.8	7.2	7.9	**7.23**	
564	17	2025601257	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	07/01/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.2	6.3	**6.53**	
565	18	2025601283	Kheo Duy	Hậu	29/06/2007	Nghệ An	5.7	7.1	9.2	9.4	**7.85**	
566	19	2025601212	Tống Thị	Huế	07/01/2007	Hưng Yên	5.6	7.0	7.2	7.9	**6.93**	
567	20	2025601148	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/04/2007	Hà Nội	5.6	6.1	6.5	7.2	**6.35**	
568	21	2025601406	Vũ Thị Mai	Lan	05/03/2007	Hải Phòng	7.4	7.4	7.6	8.3	**7.68**	
569	22	2025601995	Hà Phương Ngọc	Linh	10/11/2007	Hồ Chí Minh	6.3	7.0	7.9	7.9	**7.28**	
570	23	2025601443	Trương Khánh	Linh	12/04/2007	Hải Phòng	7.0	6.3	7.9	9.3	**7.63**	
571	24	2025601123	Trương Nhật	Linh	14/05/2006	Ninh Bình	8.4	8.4	9.1	9.8	**8.93**	
572	25	2025601455	Nguyễn Thị Kiều	Lương	29/04/2007	Hải Phòng	7.0	6.3	7.2	7.9	**7.10**	
573	26	2025601414	Đặng Khánh	Ly	10/02/2007	Hưng Yên	7.0	5.6	7.2	9.3	**7.28**	
574	27	2025601285	Lê Nguyễn Khánh	Ly	21/12/2007	Quảng Trị	7.0	6.3	7.2	7.2	**6.93**	
575	28	2025601144	Trần Đức	Minh	28/03/2007	Hải Phòng	7.1	5.5	7.1	7.3	**6.75**	
576	29	2025601390	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	21/05/2007	Quảng Trị	7.7	6.3	7.2	6.5	**6.93**	
577	30	2025601234	Đoàn Thị Thu	Nga	26/02/2005	Hưng Yên	7.0	6.3	8.6	8.6	**7.63**	
578	31	2025601185	Mùi Linh	Nga	17/03/2007	Sơn La	7.0	5.6	7.2	7.2	**6.75**	
579	32	2025601182	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/11/2007	Bắc Ninh	6.3	6.3	7.9	7.2	**6.93**	
580	33	2025601113	Đặng Thị Tuyết	Nhung	12/01/2007	Hải Phòng	7.7	7.5	7.2	8.4	**7.70**	
581	34	2025601323	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/07/2007	Hà Nội	7.0	6.3	7.2	9.3	**7.45**	
582	35	2025601357	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/2007	Thanh Hoá	7.0	7.0	7.2	7.9	**7.28**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
583	36	2025601316	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	16/11/2007	Hồ Chí Minh	6.7	6.7	7.6	9.7	**7.68**	
584	37	2025601458	Dương Mạnh	Tùng	13/05/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.8	7.3	**7.33**	
585	38	2025601105	Phạm Thị	Tươi	16/09/2007	Ninh Bình	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
586	39	2025601413	Hoàng Trần Phương	Thảo	10/03/2007	Ninh Bình	7.7	7.0	7.2	7.9	**7.45**	
587	40	2025601164	Đinh Đức	Thắng	17/04/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
588	41	2025601448	Bùi Giang	Thu	16/01/2007	Hải Phòng	5.6	6.3	7.2	7.2	**6.58**	
589	42	2025601430	Hà Thanh	Trang	06/04/2007	Hưng Yên	7.0	6.3	7.2	7.9	**7.10**	
590	43	2025601194	Vũ Thanh	Trang	08/08/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.2	7.2	**6.75**	
591	44	2025601338	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	26/11/2007	Thanh Hoá	7.0	5.6	7.0	8.6	**7.05**	
592	45	2025601342	Lê Đức	Trung	28/12/2007	Hà Nội	6.4	6.4	5.7	5.9	**6.10**	
593	46	2025601181	Nguyễn Thị Thu	Uyên	21/11/2007	Bắc Ninh	7.0	6.3	7.5	7.2	**7.00**	
594	47	2025601420	Phạm Anh	Văn	14/06/2007	Hưng Yên	5.9	6.6	8.7	8.9	**7.53**	
*		***Ngành: Marketing (DHMar4-K10)***										
595	1	2025601765	Bùi Thị Phương	Anh	21/08/2007	Hải Phòng	7.7	7.0	7.9	7.9	**7.63**	
596	2	2025601608	Đặng Thị Mai	Anh	04/10/2007	Hưng Yên	7.0	6.3	7.2	7.9	**7.10**	
597	3	2025601774	Đoàn Thị Quế	Anh	21/01/2007	Lào Cai	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
598	4	2025601716	Lê Mai	Anh	12/08/2007	Hà Nội	6.3	6.3	6.5	7.9	**6.75**	
599	5	2025601783	Phạm Vân	Anh	11/06/2006	Ninh Bình	6.3	7.0	6.5	7.9	**6.93**	
600	6	2025601743	Vũ Nhật	Anh	15/04/2007	Hải Phòng	6.3	5.6	6.5	9.3	**6.93**	
601	7	2025601775	Phan Thị Hồng	Ánh	25/01/2007	Ninh Bình	7.7	7.0	7.2	8.6	**7.63**	
602	8	2025601473	Bùi Quốc	Bảo	18/11/2007	Điện Biên	5.8	5.7	7.8	8.7	**7.00**	
603	9	2025601503	Phạm Quốc	Bảo	14/05/2007	Tuyên Quang	5.8	7.1	7.8	7.3	**7.00**	
604	10	2025601569	Nguyễn Đình	Chiến	20/10/2007	Hưng Yên	5.5	6.4	6.4	7.3	**6.40**	
605	11	2025601662	Đặng Thị	Chín	09/07/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
606	12	2025601689	Nguyễn Khánh	Duy	23/11/2007	Điện Biên	5.7	7.1	5.7	8.0	**6.63**	
607	13	2025601611	Phùng Tiến	Duy	20/07/2007	Hà Nội	6.6	8.0	7.8	8.2	**7.65**	
608	14	2025601690	Lê Thị Trà	Giang	12/03/2007	Hà Tĩnh	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
609	15	2025601626	Trần Hương	Giang	01/03/2007	Nghệ An	6.3	7.0	6.5	8.6	**7.10**	
610	16	2025601811	Nguyễn Thanh	Hà	01/03/2007	Bắc Ninh	7.0	6.3	5.8	6.5	**6.40**	
611	17	2025601485	Trịnh Xuân	Hiếu	01/12/2007	Hà Nội	5.7	7.1	6.4	6.1	**6.33**	
612	18	2025601702	Nguyễn Thị	Hoài	18/02/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	7.6	8.3	**7.68**	
613	19	2025601629	Nguyễn Huy	Hoàng	07/05/2007	Phú Thọ	7.1	6.9	7.1	6.6	**6.93**	
614	20	2025601755	Phạm Văn	Huân	16/09/2007	Hưng Yên	5.7	7.1	7.1	7.3	**6.80**	
615	21	2025601771	Nghiêm Thị Thu	Huyền	16/12/2007	Hà Nội	7.0	6.3	6.5	6.5	**6.58**	
616	22	2025601698	Nguyễn Nam	Khánh	19/12/2007	Hà Nội	6.5	6.4	7.1	8.0	**7.00**	
617	23	2025601496	Lê Trang Khánh	Linh	19/11/2007	Hà Nội	7.0	6.6	6.5	7.7	**6.95**	
618	24	2025601548	Nguyễn Khánh	Linh	22/06/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	6.5	7.9	**7.10**	
619	25	2025601597	Trịnh Yến	Linh	20/07/2007	Bắc Ninh	7.0	6.3	6.5	7.9	**6.93**	
620	26	2025601727	Vũ Thị	Loan	16/03/2007	Hà Nội	7.0	6.3	6.5	5.8	**6.40**	
621	27	2025601633	Nguyễn Thành	Long	02/10/2007	Phú Thọ	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
622	28	2025601722	Nguyễn Ngọc	Mai	08/11/2007	Phú Thọ	7.0	6.3	7.9	7.2	**7.10**	
623	29	2025601575	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/10/2007	Hà Nội	6.3	5.6	6.5	7.2	**6.40**	
624	30	2025601779	Trần Thanh	Phấn	30/10/2007	Bắc Ninh	5.6	7.0	7.9	5.6	**6.53**	
625	31	2025601754	Nguyễn Hà	Phương	14/05/2007	Hải Phòng	6.4	6.4	8.5	8.0	**7.33**	
626	32	2025601680	Lê Thị Minh	Phương	17/10/2007	Hà Nội	6.3	5.6	7.9	6.5	**6.58**	
627	33	2025601645	Phạm Minh	Quân	17/02/2007	Ninh Bình	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
628	34	2025601776	Ngô Văn	Quyết	27/08/2007	Bắc Ninh	5.7	7.1	7.1	9.4	**7.33**	
629	35	2025601560	Nguyễn Văn	Sơn	03/06/2007	Ninh Bình	7.3	7.3	8.0	8.0	**7.65**	
630	36	2025601500	Hoàng Thị	Sơn	15/10/2006	Phú Thọ	8.4	8.4	9.1	9.1	**8.75**	
631	37	2025601509	Diệp Văn	Tài	04/04/2007	Cao Bằng	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
632	38	2025601661	Nguyễn Huy	Tú	07/07/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.8	8.0	**7.33**	
633	39	2025601810	Nguyễn Thị	Tú	09/06/2006	Bắc Ninh	6.3	6.3	7.7	8.6	**7.23**	
634	40	2025601729	Hoàng Xuân	Tuyến	17/08/2007	Phú Thọ	5.5	6.9	6.4	5.9	**6.18**	
635	41	2025601710	Phạm Hồng	Thắm	05/11/2007	Hà Nội	7.0	5.6	7.9	7.9	**7.10**	
636	42	2025601737	Nguyễn Thị	Thương	07/12/2007	Ninh Bình	7.7	6.3	7.9	5.8	**6.93**	
637	43	2025601641	Phạm Thị	Thương	06/02/2007	Hà Nội	7.0	6.3	7.9	5.8	**6.75**	
638	44	2025601676	Nguyễn Thu	Trang	13/05/2007	Phú Thọ	7.0	7.0	7.2	7.2	**7.10**	
639	45	2025601656	Lê Thị Khánh	Vân	06/07/2007	Thanh Hoá	7.0	7.0	7.2	5.8	**6.75**	
640	46	2025601732	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	08/01/2007	Hà Nội	6.3	5.6	7.2	7.9	**6.75**	
641	47	2025601764	Bùi Thị Hải	Yến	29/08/2007	Ninh Bình	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
642	48	2025601609	Vũ Thị	Yến	19/03/2007	Hải Phòng	7.7	7.0	7.9	5.8	**7.10**	
*	***Ngành: Marketing (DHMar5-K10)***											
643	1	2025602022	Đào Duy	Anh	15/02/2007	Ninh Bình	5.7	6.9	6.4	8.0	**6.75**	
644	2	2025602018	Ngô Đức	Anh	19/10/2007	Bắc Ninh	5.7	6.4	7.8	7.3	**6.80**	
645	3	2025601946	Lê Thị Thảo	Anh	24/12/2007	Hà Nội	7.4	7.4	8.3	6.7	**7.45**	
646	4	2025601912	Nguyễn Thị Mai	Anh	06/12/2007	Phú Thọ	7.7	7.0	7.2	7.2	**7.28**	
647	5	2025601075	Vũ Thị Lan	Anh	31/08/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	8.6	7.0	**7.40**	
648	6	2025601962	Nguyễn Văn	Biên	29/11/2007	Hải Phòng	5.7	7.1	7.1	7.3	**6.80**	
649	7	2025600971	Vũ Đình	Dũng	01/12/2007	Hải Phòng	7.3	7.8	7.1	8.7	**7.73**	
650	8	2025601011	Phan Anh	Duy	10/10/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.8	5.9	**6.80**	
651	9	2025601942	Trịnh Ngọc	Hoàng	05/10/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.8	8.7	**7.50**	
652	10	2025602010	Sùng A	Khánh	29/11/2007	Sơn La	5.7	7.1	8.5	8.0	**7.33**	
653	11	2025602048	Đỗ Quang	Linh	16/06/2007	Hà Nội	6.6	5.5	7.8	7.3	**6.80**	
654	12	2025601959	Bùi Thị	Linh	27/03/2007	Hà Nội	7.0	7.0	8.4	5.8	**7.05**	
655	13	2025601956	Hoàng Thị Khánh	Linh	03/11/2007	Hà Nội	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
656	14	2025601877	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	19/04/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	7.2	5.8	**6.75**	
657	15	2025601920	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	07/07/2007	Ninh Bình	7.7	7.7	7.7	7.9	**7.75**	
658	16	2025601927	Vũ Nguyễn Khánh	Ly	28/10/2007	Hải Phòng	7.7	7.0	7.9	7.9	**7.63**	
659	17	2025601921	Giáp Hoàng	Nam	06/08/2007	Bắc Ninh	5.7	6.4	7.1	8.0	**6.80**	
660	18	2025602003	Nhữ Đoàn Khánh	Ngọc	15/05/2007	Đắk Lắk	6.3	6.3	7.2	5.6	**6.35**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
661	19	2025601899	Doãn Thị Thu	Nhị	28/09/2007	Phú Thọ	7.7	7.7	7.2	7.2	**7.45**	
662	20	2025601751	Phạm Yến	Như	06/08/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	7.2	7.2	**7.10**	
663	21	2025602047	Văn Thị Thu	Phương	12/05/2007	Hà Nội	7.0	7.0	6.5	7.0	**6.88**	
664	22	2025601862	Nguyễn Văn	Sơn	01/01/2006	Nghệ An	7.3	7.5	8.0	8.4	**7.80**	
665	23	2025601870	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/01/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
666	24	2025602008	Vũ Diệu	Thảo	11/03/2007	Bắc Ninh	7.0	6.3	7.9	7.7	**7.23**	
667	25	2025601974	Phạm Thị Kim	Thoa	02/12/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	7.2	7.2	**7.10**	
668	26	2025601985	Triệu Bích	Thơm	22/09/2007	Lạng Sơn	7.0	6.8	7.2	6.3	**6.83**	
669	27	2025601215	Dương Mạnh	Thường	10/08/2007	Bắc Ninh	8.0	7.3	8.5	8.0	**7.95**	
670	28	2025601840	Bùi Kiều	Trang	26/06/2007	Phú Thọ	7.3	5.9	8.7	8.7	**7.65**	
671	29	2025601904	Nguyễn Ngọc Bảo	Trinh	21/08/2007	Hưng Yên	6.3	7.0	7.9	5.8	**6.75**	
672	30	2025601931	Chu Hoàng	Trung	13/09/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
673	31	2025601953	Nguyễn Hà	Vy	09/11/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.9	7.2	**7.10**	
*	***Ngành: Quản lý công nghiệp (DHQL1-K10)***											
674	1	2025600602	Nguyễn Văn	An	06/06/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	5.7	5.9	**6.45**	
675	2	2025600465	Đỗ Kim	Anh	08/03/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.9	6.5	**6.93**	
676	3	2025600235	Trần Vũ Minh	Anh	01/11/2007	Hà Nội	5.6	7.0	7.2	8.4	**7.05**	
677	4	2025600854	Nguyễn Thị Kim	Ánh	28/02/2007	Hải Phòng	7.0	6.3	7.2	7.9	**7.10**	
678	5	2025600418	Vũ Thị Thúy	Bình	28/10/2007	Thái Nguyên	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
679	6	2025600852	Phạm Lê Diệu	Châu	22/10/2007	Thanh Hoá	7.0	7.0	8.4	6.5	**7.23**	
680	7	2025600888	Đoàn Quỳnh	Chi	29/06/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.9	8.6	**7.63**	
681	8	2025601098	Hoàng Ngọc	Diệp	20/07/2007	Hưng Yên	6.7	8.1	9.0	9.0	**8.20**	
682	9	2025601060	Hồ Viết	Duy	14/08/2007	Ninh Bình	7.3	8.0	7.8	8.0	**7.78**	
683	10	2025600115	Nguyễn Thị	Duyên	24/12/2007	Ninh Bình	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
684	11	2025601187	Hoàng Minh	Dương	14/06/2007	Hà Nội	7.0	7.0	7.7	8.6	**7.58**	
685	12	2025600940	Nguyễn Văn	Đạt	02/04/2007	Hưng Yên	7.1	6.9	8.5	6.6	**7.28**	
686	13	2025600354	Trần Hương	Giang	14/12/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
687	14	2025601072	Nguyễn Thị Khánh	Hạ	25/09/2007	Hải Phòng	7.7	7.7	7.7	7.2	**7.58**	
688	15	2025600969	Trịnh Tiến	Hải	18/12/2007	Hải Phòng	6.4	6.2	7.1	8.0	**6.93**	
689	16	2025600276	Đoàn Thị Mỹ	Hạnh	10/12/2007	Ninh Bình	5.6	7.0	7.9	6.5	**6.75**	
690	17	2025600608	Lương Thị Lệ	Hằng	01/11/2007	Thái Nguyên	6.3	7.0	7.9	7.0	**7.05**	
691	18	2025601010	Bùi Thị Thu	Hiền	29/10/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.2	7.0	**7.05**	
692	19	2025601079	Nguyễn Thị	Hòa	04/10/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.2	6.5	**6.75**	
693	20	2025600895	Nguyễn Thị	Hoàn	11/03/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.9	7.0	**7.05**	
694	21	2025601139	Ngô Thị	Huế	11/01/2007	Hưng Yên	7.0	6.8	7.9	8.4	**7.53**	
695	22	2025600492	Dương Thị	Huệ	13/01/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	7.9	7.7	**7.40**	
696	23	2025600678	Dương Thị	Huệ	25/11/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	7.9	7.0	**7.23**	
697	24	2025601096	Lương Anh	Huy	08/06/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.1	8.0	**7.15**	
698	25	2025601024	Đinh Thị Khánh	Huyền	22/01/2007	Hưng Yên	7.0	6.3	7.2	8.4	**7.23**	
699	26	2025600357	Hoàng Thị Thu	Huyền	01/04/2007	Thanh Hoá	7.7	7.0	7.9	7.9	**7.63**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
700	27	2025600998	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	30/08/2007	Hải Phòng	7.8	7.8	7.1	6.6	**7.33**	
701	28	2025601151	Phạm Thị	Huyền	13/12/2007	Ninh Bình	5.7	7.1	6.4	6.6	**6.45**	
702	29	2025600722	Nguyễn Thị Mai	Hương	31/07/2007	Hải Phòng	7.8	6.9	7.3	8.0	**7.50**	
703	30	2025600730	Nguyễn Thị Thu	Hường	13/08/2007	Ninh Bình	7.8	7.8	6.6	6.6	**7.20**	
704	31	2025600955	Phạm Thị	Hường	26/07/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.6	6.6	**7.10**	
705	32	2025600822	Hoàng Ngọc	Lam	21/09/2007	Hải Phòng	8.1	7.4	9.0	7.6	**8.03**	
706	33	2025602060	Chu Thị Thùy	Linh	19/07/2007	Bắc Ninh	7.8	7.1	6.6	8.7	**7.55**	
707	34	2025600355	Hoàng Khánh	Linh	13/01/2007	Bắc Ninh	7.8	7.1	7.3	8.0	**7.55**	
708	35	2025601106	Lại Thị	Linh	19/12/2007	Thái Nguyên	7.1	7.1	8.2	6.6	**7.25**	
709	36	2025600638	Nguyễn Thị Hà	Linh	18/12/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.2	8.0	**7.60**	
710	37	2025601067	Nguyễn Thị Khánh	Linh	14/02/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	8.2	5.9	**7.08**	
711	38	2025600594	Nguyễn Thị Phương	Linh	18/08/2007	Ninh Bình	7.1	7.8	8.9	8.7	**8.13**	
712	39	2025600430	Trần Thị Khánh	Linh	04/11/2007	Hưng Yên	7.1	7.8	8.2	6.6	**7.43**	
713	40	2025600744	Trịnh Phương	Linh	23/08/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	8.2	7.3	**7.43**	
714	41	2025600906	Phạm Thị Khánh	Ly	09/11/2006	Hưng Yên	8.4	7.3	8.4	9.1	**8.30**	
715	42	2025601154	Vũ Hồng	Mai	20/06/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	8.2	8.0	**7.43**	
716	43	2025600714	Nguyễn Thị Trà	My	01/01/2008	Hưng Yên	7.1	7.1	7.3	7.8	**7.33**	
717	44	2025600934	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	24/05/2007	Bắc Ninh	7.8	7.1	8.0	8.0	**7.73**	
718	45	2025600257	Đinh Thị Bảo	Ngọc	01/06/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.3	8.0	**7.38**	
719	46	2025600815	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/08/2007	Bắc Ninh	8.1	7.4	8.8	9.0	**8.33**	
720	47	2025600175	Trần Văn	Phong	17/06/2007	Ninh Bình	7.1	6.9	7.8	8.0	**7.45**	
721	48	2025600968	Lê Thị Mai	Phương	18/08/2007	Hải Phòng	7.9	7.6	8.0	8.5	**8.00**	
722	49	2025600223	Đỗ Lệ	Quyên	21/06/2007	Thái Nguyên	7.1	7.1	6.6	7.3	**7.03**	
723	50	2025601188	Nguyễn Như	Quỳnh	21/01/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	7.3	8.0	**7.20**	
724	51	2025601141	Nguyễn Hồng	Sim	06/05/2007	Hưng Yên	7.1	7.8	8.0	8.0	**7.73**	
725	52	2025600231	Lê Ngọc	Sơn	12/01/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	6.6	**7.15**	
726	53	2025600580	Đinh Công	Tâm	18/08/2004	Phú Thọ	8.4	8.2	8.9	9.1	**8.65**	
727	54	2025600605	Nguyễn Thị	Tuyết	08/09/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	7.3	7.3	**7.20**	
728	55	2025600644	Lưu Hà	Thái	18/01/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
729	56	2025600227	Nguyễn Phương	Thảo	01/09/2007	Hà Nội	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
730	57	2025600648	Nguyễn Phương	Thảo	01/12/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	7.1	6.6	**6.80**	
731	58	2025600246	Dương Thị Hoài	Thu	15/03/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	8.0	5.9	**6.85**	
732	59	2025600757	Bùi Thị Phương	Thúy	14/12/2007	Ninh Bình	7.8	7.8	8.0	8.0	**7.90**	
733	60	2025600656	Phạm Văn	Thường	09/11/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.1	8.0	**7.33**	
734	61	2025600964	Phạm Thị	Trang	04/04/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	8.0	8.7	**7.73**	
735	62	2025600946	Phan Thị Huyền	Trang	23/12/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
736	63	2025600438	Trần Thị Thùy	Trang	12/02/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	8.2	8.0	**7.60**	
737	64	2025600283	Vũ Văn	Trường	16/06/2007	Quảng Ninh	7.1	6.4	7.1	8.7	**7.33**	
738	65	2025601116	Đặng Vũ Minh	Vân	02/03/2007	Hải Phòng	7.1	6.9	8.2	7.1	**7.33**	
739	66	2025601147	Dương Thị Tường	Vy	19/03/2007	Quảng Ninh	7.1	7.1	8.2	7.3	**7.43**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
*	*Ngành: Quản lý công nghiệp (DHQL2-K10)*											
740	1	2025601269	Dương Thị	An	08/11/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	9.0	8.3	**8.03**	
741	2	2025601222	Hoàng Hải	Anh	09/03/2007	Phú Thọ	7.2	7.1	7.8	5.9	**7.00**	
742	3	2025601738	Lê Tuấn	Anh	20/10/2007	Lạng Sơn	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
743	4	2025601444	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	25/04/2007	Phú Thọ	7.8	6.9	8.0	8.5	**7.80**	
744	5	2025601820	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	13/08/2007	Bắc Ninh	7.8	6.9	7.6	8.7	**7.75**	
745	6	2025601602	Nguyễn Thị Minh	Ánh	19/09/2007	Bắc Ninh	7.8	7.1	7.5	8.0	**7.60**	
746	7	2025600937	Bùi Lan	Chi	20/02/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	8.2	7.8	**7.55**	
747	8	2025601300	Ngô Thị Kim	Chi	01/08/2007	Thái Nguyên	7.1	7.1	8.2	8.0	**7.60**	
748	9	2025601564	Nguyễn Trường	Giang	05/03/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.8	5.9	**6.63**	
749	10	2025601264	Chu Ngọc	Hà	28/11/2007	Bắc Ninh	7.8	7.8	7.3	8.7	**7.90**	
750	11	2025601968	Đặng Thành	Hào	07/03/2007	Thanh Hoá	6.4	7.1	8.5	8.7	**7.68**	
751	12	2025602044	Phạm Thị Thanh	Hằng	19/08/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	8.2	9.4	**7.78**	
752	13	2025601520	Nguyễn Thị	Hiền	26/07/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	7.3	5.9	**6.68**	
753	14	2025601900	Nguyễn Thuý	Hiền	28/08/2007	Bắc Ninh	7.8	7.1	6.6	8.0	**7.38**	
754	15	2025601223	Nguyễn Thị Mai	Hoa	02/01/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	8.0	8.7	**7.73**	
755	16	2025601735	Đinh Văn	Hoàn	05/07/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.1	8.7	**7.50**	
756	17	2025601226	Hoàng Thị	Huệ	21/12/2007	Thanh Hoá	5.7	6.4	8.0	5.9	**6.50**	
757	18	2025601838	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/01/2007	Thanh Hoá	5.7	7.1	8.0	6.6	**6.85**	
758	19	2025601654	Đặng Thị Lan	Hương	12/07/2007	Hưng Yên	7.1	6.2	6.2	6.6	**6.53**	
759	20	2025600728	Nguyễn Thị	Hương	02/09/2006	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.3	6.6	**7.03**	
760	21	2025601682	Nguyễn Thị	Hương	01/02/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	8.2	8.0	**7.43**	
761	22	2025601999	Nguyễn Thị	Hương	08/11/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	7.3	**7.38**	
762	23	2025601294	Lê Thuỳ	Linh	13/11/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	7.3	8.0	**7.38**	
763	24	2025601660	Nguyễn Phương	Linh	09/09/2007	Ninh Bình	5.7	7.1	8.0	8.7	**7.38**	
764	25	2025601528	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/06/2007	Bắc Ninh	5.7	7.1	8.0	7.3	**7.03**	
765	26	2025601693	Nguyễn Thị Thùy	Linh	19/09/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.3	6.6	**7.03**	
766	27	2025601816	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	11/08/2007	Bắc Ninh	6.4	6.4	6.6	8.2	**6.90**	
767	28	2025601198	Lê Thị Trà	My	31/01/2007	Hưng Yên	6.6	6.4	8.0	7.3	**7.08**	
768	29	2025601599	Nguyễn Trà	My	20/06/2007	Thái Nguyên	7.2	6.7	8.3	9.0	**7.80**	
769	30	2025601392	Lê Xuân	Nam	18/12/2007	Thanh Hoá	7.3	7.3	7.1	8.0	**7.43**	
770	31	2025601360	Bùi Đào Nguyệt	Nga	17/10/2007	Ninh Bình	7.8	7.1	7.3	8.0	**7.55**	
771	32	2025601469	Đỗ Thị Kim	Ngân	02/03/2007	Thái Nguyên	5.8	6.9	7.3	8.0	**7.00**	
772	33	2025601863	Phạm Thị Hồng	Ngọc	21/03/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	7.1	8.7	**7.50**	
773	34	2025601806	Hà Yến	Nhi	30/10/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	7.3	7.3	**7.20**	
774	35	2025601763	Trần Thị Hồng	Nhung	26/05/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.3	5.9	**6.50**	
775	36	2025601749	Nguyễn Duy	Phong	23/07/2007	Hà Nội	5.7	7.1	7.1	7.3	**6.80**	
776	37	2025601803	Đặng Thị Lệ	Quyên	16/05/2007	Hưng Yên	5.5	6.9	6.4	7.8	**6.65**	
777	38	2025601289	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	15/07/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.3	8.7	**7.38**	
778	39	2025601817	Khổng Tiến	Thái	23/12/2007	Phú Thọ	7.5	6.8	8.0	8.2	**7.63**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
779	40	2025601885	Nguyễn Thị Phương	Thanh	14/09/2007	Bắc Ninh	6.4	6.4	6.6	7.3	**6.68**	
780	41	2025601977	Phạm Văn	Thành	19/10/2007	Hải Phòng	5.5	5.7	5.7	6.4	**5.83**	
781	42	2025601718	Đỗ Phương	Thảo	12/11/2007	Hưng Yên	6.9	6.9	7.1	9.2	**7.53**	
782	43	2025601329	Trịnh Thị Ngọc	Thảo	09/08/2007	Hồ Chí Minh	7.1	7.1	8.0	5.9	**7.03**	
783	44	2025601365	Đỗ Thị	Thắm	10/12/2004	Thái Nguyên	7.1	6.4	8.0	8.0	**7.38**	
784	45	2025601841	Vũ Thị	Thu	06/12/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	5.9	8.7	**6.68**	
785	46	2025600802	Nguyễn Thị	Trà	14/01/2007	Hà Nội	7.1	6.9	7.1	8.0	**7.28**	
786	47	2025601785	Ngô Thị Hà	Trang	15/12/2007	Bắc Ninh	7.1	6.9	7.3	7.3	**7.15**	
787	48	2025601802	Vũ Huyền	Trang	15/06/2007	Hải Phòng	6.4	7.1	6.6	6.6	**6.68**	
788	49	2025601778	Hoàng Phạm Thùy	Trâm	30/09/2007	Hà Nội	6.4	7.1	8.0	8.0	**7.38**	
789	50	2025601519	Nguyễn Thùy	Trâm	11/06/2007	Bắc Ninh	6.4	6.4	8.0	8.7	**7.38**	
790	51	2025600667	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	12/10/2007	Ninh Bình	5.7	6.4	8.0	6.6	**6.68**	
791	52	2025601258	Nguyễn Thị Mai	Uyên	03/05/2006	Quảng Ninh	6.5	7.4	9.0	7.9	**7.70**	
792	53	2025601402	Nguyễn Thị Bảo	Yến	30/04/2007	Quảng Ninh	5.7	5.7	7.3	8.0	**6.68**	
793	54	2025601813	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/11/2007	Hà Nội	7.1	6.4	7.3	8.7	**7.38**	
*		***Ngành: Quản trị kinh doanh (DHQTKD1-K10)***										
794	1	2025600689	Ngô Hùng	Anh	23/10/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.1	7.3	**7.15**	
795	2	2025600280	Nguyễn Thị	Anh	12/01/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.3	7.3	**7.20**	
796	3	2025600384	Phạm Thị Vân	Anh	17/03/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	8.0	9.6	**7.95**	
797	4	2025600916	Trần Ngọc	Anh	24/10/2007	Ninh Bình	6.4	6.4	8.0	8.0	**7.20**	
798	5	2025600426	Trịnh Lưu Ngọc	Ánh	03/11/2007	Thanh Hoá	6.4	7.1	7.6	8.0	**7.28**	
799	6	2025600449	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	23/03/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	8.0	7.3	**7.20**	
800	7	2025600164	Nguyễn Lê Gia	Bảo	02/11/2007	Quảng Ninh	5.5	6.4	7.1	8.0	**6.75**	
801	8	2025600221	Đồng Đức Phong	Châu	14/03/2007	Hải Phòng	5.7	6.4	8.5	8.7	**7.33**	
802	9	2025600553	Cồ Thị Quỳnh	Chi	30/05/2007	Hà Nội	6.4	6.2	8.0	9.4	**7.50**	
803	10	2025600876	Nguyễn Danh	Chính	08/06/2007	Đồng Nai	7.1	7.1	7.1	5.9	**6.80**	
804	11	2025600581	Hồ Nguyễn	Danh	28/11/2007	Đắk Lắk	5.5	7.1	7.1	8.0	**6.93**	
805	12	2025600753	Vũ Xuân Hải	Đăng	27/09/2007	Bắc Ninh	6.2	7.1	7.1	7.3	**6.93**	
806	13	2025600574	Lê Hương	Giang	07/08/2007	Thanh Hoá	6.4	7.1	6.6	8.7	**7.20**	
807	14	2025600483	Vũ Lê Hương	Giang	03/06/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	7.3	5.9	**6.85**	
808	15	2025600302	Dương Thị	Hạ	24/05/2007	Thái Nguyên	7.4	7.4	9.0	9.0	**8.20**	
809	16	2025600434	Trần Đức	Hải	08/02/2007	Hưng Yên	5.7	7.1	7.1	6.6	**6.63**	
810	17	2025600782	Nguyễn Lê Minh	Hạnh	18/07/2007	Hà Nội	7.1	6.4	8.0	8.0	**7.38**	
811	18	2025600881	Nguyễn Thị	Hạnh	09/10/2007	Bắc Ninh	7.1	7.8	5.9	8.0	**7.20**	
812	19	2025600537	Nguyễn Trung	Hiếu	21/11/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	8.4	7.2	**7.05**	
813	20	2025600731	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	03/05/2007	Thanh Hoá	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
814	21	2025600503	Nguyễn Thị Thu	Huyền	14/01/2007	Thái Nguyên	5.7	6.4	7.8	6.6	**6.63**	
815	22	2025600329	Nguyễn Thu	Huyền	09/11/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	8.0	7.3	**6.85**	
816	23	2025600908	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	14/01/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.9	7.2	**7.10**	
817	24	2025600217	Ngô Bảo	Khang	01/11/2007	Hà Nội	5.6	6.3	7.4	7.9	**6.80**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
818	25	2025600549	Trịnh Thị Thanh	Lam	11/10/2007	Hưng Yên	7.1	6.9	7.3	8.0	**7.33**	
819	26	2025600403	Dương Quang	Lãm	24/01/2007	Bắc Ninh	7.0	6.3	7.9	7.2	**7.10**	
820	27	2025600429	Phùng Thị Phương	Lan	01/08/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
821	28	2025600332	Đàm Thị Thùy	Linh	01/11/2007	Ninh Bình	7.1	6.9	7.6	7.8	**7.35**	
822	29	2025600746	Trịnh Thị Mai	Linh	29/08/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	8.0	8.7	**7.73**	
823	30	2025600825	Vũ Hoàng	Long	21/03/2007	Hà Nội	6.3	5.8	7.4	5.8	**6.33**	
824	31	2025600531	Dương Thị	Luyến	21/02/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	8.5	8.7	**7.68**	
825	32	2025600103	Nguyễn Thị	Mai	27/02/2006	Thái Nguyên	6.4	6.4	7.6	7.3	**6.93**	
826	33	2025600135	Nguyễn Thị Hà	My	03/12/2007	Hà Nội	6.4	7.1	6.2	8.0	**6.93**	
827	34	2025600706	Nguyễn Hải	Nam	22/04/2007	Phú Thọ	6.3	6.3	7.0	7.9	**6.88**	
828	35	2025600715	Phạm Đức	Nam	22/09/2007	Hải Phòng	5.6	6.3	7.0	6.5	**6.35**	
829	36	2025600740	Nguyễn Minh	Ngọc	09/03/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	8.7	**7.73**	
830	37	2025600099	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	25/11/2007	Hải Phòng	8.4	8.4	8.9	9.1	**8.70**	
831	38	2025600685	Phạm Yến	Nhi	25/04/2007	Hải Phòng	7.3	7.1	7.3	8.0	**7.43**	
832	39	2025600903	Trần Yến	Nhi	14/08/2007	Bắc Ninh	5.8	7.4	9.0	8.3	**7.63**	
833	40	2025600617	Vũ Anh	Quốc	03/03/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.0	7.2	**6.88**	
834	41	2025600546	Nguyễn Thúy	Quỳnh	21/06/2007	Hưng Yên	5.7	6.4	8.0	5.9	**6.50**	
835	42	2025600361	Nguyễn Như	Sơn	21/12/2007	Nghệ An	7.0	7.0	7.7	5.8	**6.88**	
836	43	2025600884	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	23/09/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
837	44	2025600865	Đoàn Phương	Thảo	28/11/2007	Ninh Bình	7.1	6.9	8.0	8.0	**7.50**	
838	45	2025600194	Nguyễn Phương	Thảo	29/12/2007	Quảng Ninh	5.7	6.4	8.0	8.0	**7.03**	
839	46	2025600600	Phạm Thanh	Thảo	24/07/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	8.0	7.8	**7.50**	
840	47	2025600640	Trần Văn	Thiện	14/11/2007	Ninh Bình	7.0	6.3	8.1	5.6	**6.75**	
841	48	2025600691	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	01/09/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
842	49	2025600453	Chu Thị Huyền	Trang	01/10/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	8.0	8.0	**7.38**	
843	50	2025600582	Khúc Thị Minh	Trang	18/12/2007	Hưng Yên	7.4	7.4	9.0	8.3	**8.03**	
844	51	2025602058	Nguyễn Phú	Trọng	13/11/2007	Hưng Yên	6.3	5.6	7.0	8.4	**6.83**	
845	52	2025600486	Nguyễn Hải	Vân	05/12/2007	Hưng Yên	7.1	6.4	7.3	8.7	**7.38**	
846	53	2025600578	Thân Thị Khánh	Vân	26/11/2007	Bắc Ninh	6.4	7.8	8.9	7.3	**7.60**	
847	54	2025600659	Bùi Quang	Vinh	14/08/2007	Hưng Yên	7.0	6.3	7.7	7.0	**7.00**	
*		***Ngành: Quản trị kinh doanh (DHQTKD2-K10)***										
848	1	2025601374	Dương Huyền	Anh	12/10/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.3	8.0	**7.38**	
849	2	2025601000	Nguyễn Thị Minh	Anh	16/03/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	8.0	8.0	**7.55**	
850	3	2025600980	Hoàng Hải	Anh	08/09/2007	Hải Phòng	6.3	5.6	7.0	6.5	**6.35**	
851	4	2025601127	Trần Thị	Ánh	23/01/2007	Hà Nội	7.1	7.1	8.0	7.3	**7.38**	
852	5	2025601157	Trần Xuân	Bách	04/12/2007	Ninh Bình	7.4	6.7	8.3	9.0	**7.85**	
853	6	2025600981	Ninh Viết	Cường	12/04/2006	Bắc Ninh	7.5	7.7	9.1	9.1	**8.35**	
854	7	2025600949	Trần Công	Danh	02/01/2007	Hưng Yên	6.3	6.3	7.0	6.5	**6.53**	
855	8	2025601145	Đoàn Kiều	Diễm	11/09/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.3	8.0	**7.20**	
856	9	2025601312	Vũ Thị	Hào	06/01/2007	Hà Nội	6.5	7.7	7.9	6.5	**7.15**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
857	10	2025601534	Nguyễn Văn	Hiệp	01/02/2007	Bắc Ninh	6.3	7.2	7.0	6.5	**6.75**	
858	11	2025600951	Trần Văn	Hiệp	16/10/2007	Hà Nội	6.3	6.3	7.0	6.7	**6.58**	
859	12	2025602049	Hoàng Quốc	Hiệu	28/03/2007	Ninh Bình	6.3	5.6	7.0	8.1	**6.75**	
860	13	2025601085	Nguyễn Việt Phú	Hoà	26/05/2007	Hà Nội	7.0	6.3	7.0	8.1	**7.10**	
861	14	2025600987	Đoàn Thu	Hoài	17/04/2007	Sơn La	6.5	7.0	7.2	6.5	**6.80**	
862	15	2025601389	Nguyễn Ngọc Minh	Hoàn	16/09/2007	Hà Nội	7.2	7.0	7.9	7.2	**7.33**	
863	16	2025601199	Lê Thị Hồng	Huế	06/08/2007	Hưng Yên	7.5	7.3	8.2	6.8	**7.45**	
864	17	2025601388	Ngũ Kim	Huệ	20/08/2007	Thanh Hoá	7.2	7.0	7.9	7.9	**7.50**	
865	18	2025601433	Đỗ Quang	Huy	27/01/2007	Hà Nội	6.3	5.6	7.7	8.1	**6.93**	
866	19	2025601064	Đinh Thị Như	Huyền	19/04/2007	Sơn La	7.2	7.0	7.2	7.2	**7.15**	
867	20	2025600975	Hoàng Thị Thu	Huyền	18/03/2007	Hưng Yên	7.2	7.0	7.2	7.4	**7.20**	
868	21	2025601298	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	19/02/2007	Phú Thọ	7.4	7.0	7.9	7.9	**7.55**	
869	22	2025601152	Hà Diệu	Linh	05/09/2007	Hà Nội	6.5	7.0	6.5	7.2	**6.80**	
870	23	2025601262	Nguyễn Thục	Linh	14/08/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.9	8.6	**7.45**	
871	24	2025601232	Vũ Thị Khánh	Linh	20/10/2007	Hà Nội	7.2	7.7	7.2	7.9	**7.50**	
872	25	2025601346	Nguyễn Thị	Lợi	19/01/2007	Bắc Ninh	7.2	7.0	7.9	7.2	**7.33**	
873	26	2025600961	Đỗ Quang	Minh	09/03/2007	Hải Phòng	6.5	5.6	7.5	8.8	**7.10**	
874	27	2025601255	Trần Hoàng	Minh	26/06/2007	Ninh Bình	7.0	7.2	7.7	7.2	**7.28**	
875	28	2025601415	Phạm Thị Trà	My	11/01/2007	Ninh Bình	7.2	7.0	7.9	7.4	**7.38**	
876	29	2025601345	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/10/2007	Bắc Ninh	7.2	7.0	7.2	8.6	**7.50**	
877	30	2025601400	Nguyễn Phương	Nhi	19/12/2007	Lào Cai	7.1	7.1	8.5	7.1	**7.45**	
878	31	2025601220	Đào Thị Kim	Oanh	29/08/2007	Ninh Bình	7.2	7.2	7.9	8.6	**7.73**	
879	32	2025601218	Vũ Phạm Xuân	Phú	27/12/2007	Phú Thọ	7.0	6.3	7.7	8.1	**7.28**	
880	33	2025601052	Hoàng Thu	Phương	20/04/2007	Hà Nội	7.2	7.2	7.9	8.1	**7.60**	
881	34	2025601007	Nguyễn Bảo	Quân	15/01/2007	Bắc Ninh	7.0	5.6	7.7	7.4	**6.93**	
882	35	2025601272	Nguyễn Ngọc	Tâm	29/10/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.0	8.1	**7.28**	
883	36	2025601311	Nguyễn Đức	Tính	29/06/2007	Bắc Ninh	6.3	6.3	6.3	6.7	**6.40**	
884	37	2025601340	Dương Như	Toàn	16/11/2007	Ninh Bình	6.3	5.6	5.6	7.4	**6.23**	
885	38	2025600958	Đặng Phương	Thảo	19/11/2007	Phú Thọ	7.2	8.1	7.9	7.9	**7.78**	
886	39	2025601362	Nguyễn Phương	Thảo	26/09/2007	Hà Nội	7.5	8.2	7.5	7.5	**7.68**	
887	40	2025601319	Phạm Thị Phương	Thảo	05/07/2007	Bắc Ninh	7.2	7.4	7.9	7.9	**7.60**	
888	41	2025600978	Vũ Thị Thanh	Thảo	19/10/2007	Hải Phòng	7.2	7.2	7.9	7.9	**7.55**	
889	42	2025601125	Nguyễn Quang	Thắng	04/06/2007	Lai Châu	6.7	6.0	8.6	9.5	**7.70**	
890	43	2025600942	Nguyễn Thị	Thoa	27/02/2007	Hải Phòng	6.5	7.4	7.9	8.1	**7.48**	
891	44	2025601382	Bùi Thị Thanh	Thư	16/11/2007	Hải Phòng	7.0	8.2	8.4	9.1	**8.18**	
892	45	2025601401	Lương Thị	Trà	10/04/2007	Thái Nguyên	7.2	7.0	7.9	7.9	**7.50**	
893	46	2025601021	Lê Thu	Trang	15/06/2007	Thanh Hoá	7.1	7.3	8.0	6.6	**7.25**	
894	47	2025601268	Mông Thị Thuỳ	Trang	18/10/2007	Bắc Ninh	7.2	7.2	8.1	7.9	**7.60**	
895	48	2025601274	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/02/2007	Bắc Ninh	7.2	7.4	7.4	6.5	**7.13**	
896	49	2025601230	Trần Thị Thuỳ	Trang	28/08/2007	Ninh Bình	6.5	7.2	8.1	7.2	**7.25**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
897	50	2025601248	Vũ Huyền	Trang	03/11/2007	Ninh Bình	7.8	6.9	7.3	7.1	**7.28**	
898	51	2025601261	Vũ Thị	Trang	19/06/2007	Ninh Bình	7.2	7.2	7.4	7.2	**7.25**	
899	52	2025601307	Phạm Thành	Vinh	01/12/2007	Hồ Chí Minh	6.7	6.0	8.3	8.8	**7.45**	
900	53	2025600993	Hoàng Thị Như	Ý	27/11/2005	Bắc Ninh	7.1	7.1	6.6	7.8	**7.15**	
*	***Ngành: Quản trị kinh doanh (DHQTKD3-K10)***											
901	1	2025601758	Trần Thị Phương	Anh	14/01/2007	Ninh Bình	6.5	7.2	7.2	7.9	**7.20**	
902	2	2025601635	Đỗ Thị Minh	Ánh	30/04/2007	Ninh Bình	6.4	7.1	7.1	6.4	**6.75**	
903	3	2025602024	Bùi Thanh	Bình	01/07/2007	Phú Thọ	7.2	7.0	8.1	7.9	**7.55**	
904	4	2025601858	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	22/11/2007	Phú Thọ	5.8	7.2	7.2	7.2	**6.85**	
905	5	2025601723	Quản Thị	Dung	07/10/2007	Thanh Hoá	5.8	7.2	7.9	8.8	**7.43**	
906	6	2025601736	Phạm Quang	Dũng	26/09/2007	Quảng Ninh	6.7	6.7	8.6	9.0	**7.75**	
907	7	2025601784	Lê Hải	Dương	28/01/2007	Thanh Hoá	7.2	7.0	6.5	7.4	**7.03**	
908	8	2025601850	Lưu Thùy	Dương	24/08/2007	Hà Nội	7.2	7.2	7.9	9.3	**7.90**	
909	9	2025601914	Nguyễn Thị Thùy	Dương	07/12/2007	Phú Thọ	5.8	7.2	6.5	6.0	**6.38**	
910	10	2025601883	Lê Văn Tùng	Dương	09/09/2007	Thanh Hoá	7.4	7.4	8.8	9.5	**8.28**	
911	11	2025601975	Nguyễn Đức	Đạt	18/03/2007	Hà Nội	6.7	6.7	9.0	8.1	**7.63**	
912	12	2025601538	Nguyễn Hoàng	Điệp	13/05/2007	Nghệ An	6.3	6.3	7.7	7.9	**7.05**	
913	13	2025601964	Tô Hương	Giang	14/11/2007	Hà Nội	6.5	7.9	7.9	8.1	**7.60**	
914	14	2025601514	Xuân Thị Hương	Giang	24/05/2007	Bắc Ninh	7.4	7.2	8.6	7.9	**7.78**	
915	15	2025601521	Lê Minh	Hải	20/03/2007	Phú Thọ	6.7	6.0	8.3	8.1	**7.28**	
916	16	2025601536	Đặng Thị Hồng	Hạnh	10/11/2007	Hưng Yên	6.7	7.2	7.9	8.6	**7.60**	
917	17	2025601588	Trần Công	Hiếu	15/12/2007	Ninh Bình	6.1	5.6	7.7	7.2	**6.65**	
918	18	2025601581	Lê Văn	Huy	17/11/2007	Ninh Bình	5.6	6.3	6.3	7.2	**6.35**	
919	19	2025601989	Nguyễn Thu	Huyền	20/05/2007	Bắc Ninh	7.2	7.1	7.1	6.6	**7.00**	
920	20	2025601969	Hoàng Cao	Khải	12/11/2007	Lai Châu	6.6	5.9	8.2	7.3	**7.00**	
921	21	2025601725	Hà Phương	Khanh	29/06/2006	Phú Thọ	7.3	8.0	8.0	7.3	**7.65**	
922	22	2025601644	Trần Thị	Lành	21/12/2007	Ninh Bình	6.5	7.0	7.9	8.1	**7.38**	
923	23	2025601814	Vũ Nhật	Lệ	10/01/2007	Hưng Yên	5.8	7.9	7.9	7.4	**7.25**	
924	24	2025601830	Trần Thị Kim	Liên	23/12/2007	Phú Thọ	7.1	6.2	6.4	7.3	**6.75**	
925	25	2025601896	Nguyễn Hoàng	Minh	07/04/2007	Hưng Yên	5.6	6.5	7.0	5.8	**6.23**	
926	26	2025601879	Hà Sơn	Nam	26/01/2007	Phú Thọ	7.3	6.6	8.2	7.3	**7.35**	
927	27	2025601902	Nguyễn Hải	Nam	11/11/2007	Hưng Yên	6.6	5.9	8.2	7.3	**7.00**	
928	28	2025601728	Nguyễn Hải	Ninh	24/08/2007	Bắc Ninh	7.0	7.2	7.2	8.6	**7.50**	
929	29	2025601965	Trần Thị Phương	Nga	31/12/2007	Hà Nội	6.5	7.2	7.9	7.2	**7.20**	
930	30	2025601922	Vũ Hiếu	Nghĩa	16/09/2007	Hà Nội	6.3	5.6	7.4	7.2	**6.63**	
931	31	2025601828	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	25/08/2007	Nghệ An	5.7	7.1	7.8	7.1	**6.93**	
932	32	2025601535	Trần Thị Thảo	Nguyên	01/12/2007	Hưng Yên	7.2	7.2	7.9	6.7	**7.25**	
933	33	2025601549	Vũ Thị Mai	Phương	17/12/2007	Hải Phòng	7.1	7.8	6.4	5.9	**6.80**	
934	34	2025601952	Trần Thị Như	Quỳnh	13/12/2007	Hà Nội	6.0	7.6	7.4	6.7	**6.93**	
935	35	2025601730	Phạm Hữu	Sinh	28/01/2007	Bắc Ninh	6.7	6.7	8.3	8.1	**7.45**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
936	36	2025601565	Vũ Anh	Sơn	08/01/2007	Ninh Bình	6.7	6.7	8.3	8.1	**7.45**	
937	37	2025601647	Đặng Đức	Tài	23/04/2007	Nghệ An	7.2	7.4	7.9	7.4	**7.48**	
938	38	2025601634	Nguyễn Minh	Tiến	25/06/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.7	7.9	**7.40**	
939	39	2025602005	Phạm Tuấn	Tú	22/04/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.7	7.2	**6.88**	
940	40	2025601871	Lê Anh	Tuấn	15/11/2007	Thanh Hoá	6.7	6.7	8.3	8.8	**7.63**	
941	41	2025601997	Phạm Thế	Tùng	28/09/2007	Hà Nội	6.3	5.6	7.7	7.9	**6.88**	
942	42	2025601954	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	10/11/2007	Hà Nội	6.9	7.1	7.1	8.0	**7.28**	
943	43	2025601944	Nguyễn Huyền	Thanh	03/11/2007	Phú Thọ	6.5	7.2	7.2	8.1	**7.25**	
944	44	2025601923	Dương Phương	Thảo	24/02/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	6.4	8.5	**7.10**	
945	45	2025602004	Dương Thị Phương	Thảo	30/08/2007	Bắc Ninh	7.1	7.3	6.4	8.7	**7.38**	
946	46	2025601809	Trần Phương	Thảo	24/01/2007	Hà Nội	5.8	7.2	6.5	6.0	**6.38**	
947	47	2025601574	Vũ Đan	Trường	26/08/2007	Phú Thọ	6.7	6.7	8.1	8.3	**7.45**	
948	48	2025601987	Đỗ Thị Khánh	Vy	10/08/2007	Hải Phòng	7.2	7.2	6.5	6.0	**6.73**	
*	***Ngành: Quản trị kinh doanh (DHQTKD4-K10)***											
949	1	2025601601	Nguyễn Ngọc	Anh	11/10/2007	Phú Thọ	6.4	7.3	6.4	8.0	**7.03**	
950	2	2025602035	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	24/03/2007	Hải Phòng	7.2	8.1	6.5	7.9	**7.43**	
951	3	2025602037	Trương Mạnh	Cường	01/04/2007	Ninh Bình	6.7	6.0	7.6	8.8	**7.28**	
952	4	2025602007	Phạm Thị Hương	Giang	23/02/2007	Phú Thọ	7.2	7.9	7.2	8.1	**7.60**	
953	5	2025602172	Lê Thị Thu	Hiền	7/17/2006	Quảng Ngãi	7.2	7.2	6.5	6.0	**6.73**	
954	6	2025601988	Đặng Đình	Hiếu	08/11/2007	Bắc Ninh	7.2	7.9	7.0	6.7	**7.20**	
955	7	2025601957	Vũ Hoàng Ánh	Kim	10/06/2007	Hưng Yên	7.7	7.7	8.4	7.5	**7.83**	
956	8	2025601344	Nguyễn Ngọc	Lan	13/01/2007	Tuyên Quang	6.5	7.2	7.2	6.5	**6.85**	
957	9	2025602028	Nguyễn Thị	Lan	21/02/2007	Bắc Ninh	6.5	7.2	7.9	7.4	**7.25**	
958	10	2025601849	Nguyễn Gia	Lương	05/01/2007	Hà Nội	7.0	6.3	7.0	7.2	**6.88**	
959	11	2025602029	Phạm Đức	Mạnh	10/11/2006	Hải Phòng	6.6	7.3	7.5	8.0	**7.35**	
960	12	2025602006	Ngô Hồng	Nhung	28/12/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.1	7.8	**7.28**	
*	***Ngành: Công nghệ sợi dệt (DHSD1-K10)***											
961	1	2025600133	Lã Thị Quỳnh	Anh	13/04/2007	Hưng Yên	6.7	6.2	8.0	6.4	**6.83**	
962	2	2025600157	Trịnh Tuấn	Anh	22/03/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.2	5.8	**6.40**	
963	3	2025602015	Nguyễn Ngọc	Ánh	06/11/2006	Hà Nội	5.6	6.3	7.4	5.8	**6.28**	
964	4	2025600944	Vũ Ngọc	Duy	20/01/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.0	7.9	**6.88**	
965	5	2025600752	Nguyễn Minh Hương	Giang	18/03/2007	Hưng Yên	7.2	7.2	8.1	6.5	**7.25**	
966	6	2025600583	Phạm Thị Thúy	Hạnh	31/07/2007	Hải Phòng	7.2	7.2	7.2	8.6	**7.55**	
967	7	2025600732	Hoàng Vân	Khánh	31/10/2007	Phú Thọ	6.5	7.2	6.5	7.9	**7.03**	
968	8	2025601618	Trịnh Thị	Luân	10/09/2007	Hà Nội	7.2	7.2	7.2	7.9	**7.38**	
969	9	2025601767	Nguyễn Quang	Thành	28/06/2007	Huế	6.3	6.3	7.0	6.5	**6.53**	
970	10	2025600185	Đỗ Phương	Thảo	22/07/2007	Phú Thọ	7.2	8.1	7.4	6.5	**7.30**	
971	11	2025600563	Cao Thị Bích	Thuỷ	27/01/2007	Hưng Yên	7.2	7.1	8.0	5.7	**7.00**	
972	12	2025600181	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/11/2007	Phú Thọ	7.0	7.2	8.1	7.9	**7.55**	
973	13	2025600914	Ngô Duy	Trường	11/12/2007	Hà Nội	6.3	6.3	7.7	7.2	**6.88**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
974	14	2025600909	Bùi Đoàn Quang	Vinh	05/10/2007	Bắc Ninh	6.7	7.4	8.3	7.4	**7.45**	
975	15	2025600947	Trần Tuấn	Vũ	17/05/2007	Ninh Bình	6.7	6.0	7.6	7.4	**6.93**	
*	*Ngành: Thiết kế đồ hoạ (DHTKDH1-K10)*											
976	1	2025600156	Ngô Thị Bình	An	21/07/2007	Hải Phòng	7.2	7.4	8.1	6.7	**7.35**	
977	2	2025600526	Bùi Huyền	Anh	22/02/2007	Quảng Ninh	6.5	7.2	7.9	7.9	**7.38**	
978	3	2025600146	Hà Diệp	Anh	27/12/2007	Điện Biên	6.4	6.4	7.8	8.7	**7.33**	
979	4	2025600781	Hoàng Thị Huệ	Anh	22/02/2007	Bắc Ninh	7.2	7.2	8.1	7.9	**7.60**	
980	5	2025601088	Nguyễn Hà	Anh	12/06/2007	Hà Nội	7.2	7.2	7.9	8.1	**7.60**	
981	6	2025601208	Nguyễn Quỳnh	Anh	29/08/2007	Hà Nội	6.5	7.2	7.9	8.6	**7.55**	
982	7	2025600954	Nguyễn Tuấn Nhật	Anh	02/11/2007	Hải Phòng	7.2	7.0	7.2	7.2	**7.15**	
983	8	2025600739	Vũ Lan	Anh	26/06/2007	Bắc Ninh	7.5	8.2	8.2	8.2	**8.03**	
984	9	2025600792	Trần Nam	Anh	14/09/2007	Ninh Bình	5.6	5.6	7.2	7.9	**6.58**	
985	10	2025600748	Đỗ Giang	Bình	12/10/2006	Bắc Ninh	7.0	8.1	7.2	6.7	**7.25**	
986	11	2025601303	Trịnh Sơn	Dương	20/03/2007	Thanh Hoá	6.7	6.7	8.3	7.6	**7.33**	
987	12	2025600471	Nguyễn Hữu	Đại	05/04/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.9	5.8	**6.75**	
988	13	2025600108	Phạm Thu	Giang	20/11/2007	Ninh Bình	6.5	7.2	6.5	7.9	**7.03**	
989	14	2025600366	Ngô Thị Minh	Hằng	30/09/2007	Hưng Yên	6.5	7.2	7.9	7.2	**7.20**	
990	15	2025600926	Đinh Trần Bảo	Hân	05/12/2007	Ninh Bình	5.8	7.2	7.2	6.5	**6.68**	
991	16	2025600456	Nguyễn Đức	Hiến	19/09/2007	Hải Phòng	6.3	6.3	7.9	7.2	**6.93**	
992	17	2025600104	Lê Khánh	Huyền	13/01/2007	Lào Cai	5.6	6.5	7.9	7.2	**6.80**	
993	18	2025600995	Trần Minh	Huyền	16/08/2007	Hà Nội	6.2	7.1	7.8	5.7	**6.70**	
994	19	2025601282	Phí Thị Thu	Hương	26/03/2007	Hà Nội	6.5	7.2	7.9	7.9	**7.38**	
995	20	2025601180	An Dương Khánh	Linh	12/09/2007	Hải Phòng	6.5	7.2	6.5	6.5	**6.68**	
996	21	2025600721	Nguyễn Gia	Linh	22/10/2007	Phú Thọ	6.4	6.4	7.1	7.8	**6.93**	
997	22	2025600201	Nguyễn Thùy	Linh	26/02/2007	Bắc Ninh	6.6	7.3	7.3	8.0	**7.30**	
998	23	2025601045	Trần Khánh	Linh	24/07/2005	Hà Nội	7.2	8.1	7.2	8.8	**7.83**	
999	24	2025600645	Nguyễn Hải	Long	12/11/2007	Quảng Ninh	6.3	6.3	7.9	7.2	**6.93**	
1000	25	2025600724	Phạm Hoàng Hoa	Minh	21/07/2007	Hà Nội	6.5	6.5	7.2	5.8	**6.50**	
1001	26	2025600820	Lê Công	Minh	30/11/2007	Bắc Ninh	6.3	6.3	7.9	7.2	**6.93**	
1002	27	2025600920	Trần Nguyễn Hoàng	Minh	23/10/2007	Thanh Hoá	5.8	6.5	7.2	7.2	**6.68**	
1003	28	2025601120	Nguyễn Thị Trà	My	17/09/2007	Ninh Bình	6.5	7.4	7.2	7.9	**7.25**	
1004	29	2025600153	Nguyễn Hoàng	Ngân	03/02/2007	Quảng Ninh	6.3	7.2	7.9	8.6	**7.50**	
1005	30	2025600532	Nguyễn Kim	Ngân	03/02/2007	Quảng Ninh	6.5	7.2	7.9	9.3	**7.73**	
1006	31	2025600240	Nguyễn Minh	Ngọc	26/12/2007	Hải Phòng	7.7	7.7	8.4	8.4	**8.05**	
1007	32	2025600729	Nguyễn Đức	Nguyên	28/08/2007	Hà Nội	6.3	6.3	7.9	6.5	**6.75**	
1008	33	2025600723	Đỗ Vũ Hạnh	Nhân	02/01/2007	Ninh Bình	7.3	7.1	7.1	7.8	**7.33**	
1009	34	2025600649	Bùi Đặng Yến	Nhi	05/08/2007	Hưng Yên	6.5	7.4	7.9	7.2	**7.25**	
1010	35	2025600708	Đào Mai	Phương	21/09/2007	Phú Thọ	7.1	7.1	7.1	8.7	**7.50**	
1011	36	2025600151	Hoàng Thị Mai	Phương	07/11/2007	Hà Nội	7.2	7.2	7.2	6.5	**7.03**	
1012	37	2025601278	Tạ Minh	Quang	26/02/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.9	8.6	**7.28**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1013	38	2025600845	Trần Hồng	Quân	23/06/2007	Hưng Yên	6	6.7	8.3	8.3	**7.33**	
1014	39	2025600687	Nguyễn Ánh	Quyên	04/02/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	6.4	8.5	**7.28**	
1015	40	2025600234	Nguyễn Đức Bình	Sinh	25/04/2007	Hà Nội	5.8	6.3	7.2	7.9	**6.80**	
1016	41	2025600585	Lê Thanh	Tâm	19/11/2007	Hà Nội	6.4	8.0	6.4	6.4	**6.80**	
1017	42	2025601281	Phạm Vũ Anh	Tú	21/08/2007	Hà Nội	6.3	6.3	7.9	6.3	**6.70**	
1018	43	2025600515	Lê Phương	Thảo	13/11/2007	Hà Nội	6.5	6.5	6.5	7.2	**6.68**	
1019	44	2025600373	Lê Thanh	Thảo	17/09/2007	Hà Nội	7.1	7.3	7.8	7.8	**7.50**	
1020	45	2025601033	Trần Phương	Thảo	30/12/2007	Phú Thọ	5.9	7.3	7.1	7.8	**7.03**	
1021	46	2025601191	Lê Đức	Thắng	22/12/2007	Gia Lai	7.0	7.2	7.9	7.9	**7.50**	
1022	47	2025601038	Mã Đức	Thọ	23/04/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.9	7.2	**7.10**	
1023	48	2025601325	Đặng Thị Thùy	Trang	18/08/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	7.1	**7.28**	
1024	49	2025601001	Nguyễn Quỳnh	Trang	21/08/2007	Hà Nội	7.2	7.1	7.8	5.9	**7.00**	
1025	50	2025600116	Trần	Trung	02/01/2007	Hà Nội	7.0	7.0	7.2	7.5	**7.18**	
1026	51	2025600560	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	17/09/2007	Hà Nội	6.1	8.2	9.1	9.1	**8.13**	
1027	52	2025601109	Lê Đình	Vinh	30/04/2007	Hải Phòng	6.3	7.0	7.2	8.6	**7.28**	
1028	53	2025600528	Ngô Lê	Vy	07/09/2007	Quảng Trị	7.8	7.3	7.1	8.0	**7.55**	
1029	54	2025600241	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/10/2007	Phú Thọ	7.7	7.5	8.9	8.2	**8.08**	
*		***Ngành: Thiết kế đồ hoạ (DHTKDH2-K10)***										
1030	1	2025601945	Đào Ngọc	Anh	13/01/2007	Hà Nội	7.1	8.0	7.8	7.3	**7.55**	
1031	2	2025601868	Nguyễn Minh	Anh	27/09/2007	Hưng Yên	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
1032	3	2025601349	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	13/05/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	7.8	**7.45**	
1033	4	2025601592	Trần Thị Minh	Chi	25/04/2007	Nghệ An	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
1034	5	2025601584	Nguyễn Hữu Khương	Duy	31/12/2006	Hà Nội	6.3	6.3	7.2	8.6	**7.10**	
1035	6	2025600552	Phạm Thùy	Dương	25/11/2007	Quảng Ninh	5.8	6.4	8.5	7.3	**7.00**	
1036	7	2025601781	Nguyễn Mạnh	Hùng	01/06/2006	Hưng Yên	5.6	6.3	7.2	6.5	**6.40**	
1037	8	2025601368	Phạm Ngọc Quang	Hưng	05/07/2007	Hà Nội	5.6	6.3	8.1	7.2	**6.80**	
1038	9	2025601598	Phan Thanh	Hướng	15/12/2006	Hà Nội	5.6	7.0	7.7	7.9	**7.05**	
1039	10	2025601878	Bùi Phương	Linh	16/08/2007	Hưng Yên	5.5	6.4	8.5	7.1	**6.88**	
1040	11	2025601507	Phan Thị Cẩm	Ly	11/08/2007	Ninh Bình	7.8	7.1	7.8	8.0	**7.68**	
1041	12	2025601578	Nguyễn Ngọc Hà	Mi	11/10/2006	Bắc Ninh	7.4	7.4	8.1	8.1	**7.75**	
1042	13	2025601542	Đoàn Tuyết	Ngân	22/05/2007	Hưng Yên	6.4	7.1	7.8	7.8	**7.28**	
1043	14	2025601547	Tạ Kim	Ngân	30/09/2007	Thái Nguyên	7.8	7.1	7.8	5.7	**7.10**	
1044	15	2025601892	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	09/02/2007	Phú Thọ	7.1	6.4	7.1	7.1	**6.93**	
1045	16	2025601399	Lê Thị Hà	Phương	28/09/2007	Ninh Bình	6.4	6.4	7.1	7.1	**6.75**	
1046	17	2025600572	Bùi Thị	Phượng	06/03/2007	Hưng Yên	6.4	6.2	7.1	6.4	**6.53**	
1047	18	2025601423	Đinh Thị	Phượng	24/08/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.1	7.8	**7.28**	
1048	19	2025601786	Lê Thị	Phượng	22/10/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.1	8.5	**7.45**	
1049	20	2025601852	Lê Xuân	Quyết	04/08/2007	Hà Nội	7.0	5.6	7.0	8.6	**7.05**	
1050	21	2025601356	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/10/2007	Hà Nội	7.8	7.8	7.1	7.8	**7.63**	
1051	22	2025601981	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/09/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.8	9.2	**7.80**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1052	23	2025600376	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	12/01/2007	Hà Nội	7.1	7.3	7.1	7.8	**7.33**	
1053	24	2025601973	Khuất Thị Thảo	Vân	26/10/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.8	8.5	**7.63**	
1054	25	2025601515	Dương Đình	Vinh	13/01/2007	Thanh Hoá	7.5	7.5	9.1	9.1	**8.30**	
1055	26	2025601796	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/03/2007	Hà Nội	6.4	6.9	7.1	6.4	**6.70**	
1056	27	2025600809	Phạm Thị	Yến	14/11/2007	Hưng Yên	7.2	7.1	7.8	5.9	**7.00**	
*		***Ngành: Thương mại điện tử (DHTM1-K10)***										
1057	1	2025600529	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/01/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	6.4	7.1	**6.93**	
1058	2	2025600129	Nguyễn Trần Hoàng	Anh	08/07/2007	Bắc Ninh	7.2	7.1	6.4	7.3	**7.00**	
1059	3	2025600499	Nguyễn Tuấn	Anh	28/08/2007	Hà Nội	5.6	5.6	7.0	6.5	**6.18**	
1060	4	2025600344	Cao Nguyễn Ngọc	Ánh	13/10/2007	Hà Nội	7.2	6.4	7.1	7.3	**7.00**	
1061	5	2025601606	Nguyễn Ngọc	Ánh	15/06/2007	Hà Nội	6.5	7.1	6.4	8.0	**7.00**	
1062	6	2025600764	Trần Đình	Bảo	11/06/2007	Nghệ An	6.3	7.0	7.7	8.6	**7.40**	
1063	7	2025600339	Nguyễn Xuân	Bắc	19/09/2007	Phú Thọ	6.3	6.3	7.7	7.9	**7.05**	
1064	8	2025600726	Nguyễn Thị	Cúc	26/08/2007	Hưng Yên	7.1	7.8	6.4	7.1	**7.10**	
1065	9	2025600635	Nguyễn Mạnh	Cường	30/10/2007	Hưng Yên	6.3	5.8	7.9	7.7	**6.93**	
1066	10	2025600316	Trần Thị Kim	Chi	15/07/2007	Ninh Bình	7.1	7.8	7.1	7.3	**7.33**	
1067	11	2025600309	Nguyễn Văn	Chính	12/07/2007	Ninh Bình	6.3	7.2	7.9	5.8	**6.80**	
1068	12	2025600263	Nguyễn Đức	Dân	13/11/2007	Phú Thọ	7.0	7.0	7.7	7.2	**7.23**	
1069	13	2025600360	Nguyễn Thuỳ	Dung	30/11/2007	Hà Nội	5.7	6.4	7.8	7.3	**6.80**	
1070	14	2025600787	Vũ Lê	Duy	20/10/2007	Ninh Bình	6.5	7.4	8.8	8.3	**7.75**	
1071	15	2025600720	Hoàng Tiến	Đạt	02/08/2007	Hà Nội	7.0	7.0	7.7	6.5	**7.05**	
1072	16	2025600796	Vũ Đức	Độ	27/03/2007	Hưng Yên	5.6	7.0	8.4	7.2	**7.05**	
1073	17	2025600681	Dương Trà	Giang	03/08/2007	Bắc Ninh	6.5	7.1	7.1	7.3	**7.00**	
1074	18	2025600539	Vũ Văn	Hải	18/03/2006	Đồng Nai	6.3	7.0	7.7	5.8	**6.70**	
1075	19	2025600633	Trần Minh	Hạnh	23/04/2007	Hưng Yên	6.7	6.7	7.4	8.8	**7.40**	
1076	20	2025600222	Nguyễn Thanh	Hằng	26/01/2007	Hà Tĩnh	7.1	7.1	7.1	5.9	**6.80**	
1077	21	2025600328	Phan Hoàng	Hiếu	17/08/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.7	7.2	**7.05**	
1078	22	2025600586	Dương Việt	Hoàng	01/03/2007	Thái Nguyên	6.3	7.0	7.7	8.6	**7.40**	
1079	23	2025600490	Nguyễn Gia	Huy	20/03/2007	Hải Phòng	6.3	7.0	7.9	7.9	**7.28**	
1080	24	2025600763	Dương Thị Thu	Huyền	06/04/2007	Bắc Ninh	7.8	7.1	6.4	8.7	**7.50**	
1081	25	2025600542	Nguyễn Thu	Huyền	28/03/2007	Ninh Bình	7.9	7.8	7.8	8.5	**8.00**	
1082	26	2025600534	Trần Thị Thu	Huyền	07/09/2007	Ninh Bình	7.1	6.2	5.7	8.5	**6.88**	
1083	27	2025600424	Nguyễn Gia	Hưng	19/12/2007	Hà Nội	5.6	7.0	7.7	7.2	**6.88**	
1084	28	2025600589	Trần Đăng	Hưng	16/04/2007	Hà Nội	6.3	6.3	7.0	7.2	**6.70**	
1085	29	2025600126	Trần Thị Nguyên	Hương	07/08/2007	Ninh Bình	7.1	6.9	7.1	7.8	**7.23**	
1086	30	2025600595	Phạm Thị Phương	Linh	11/12/2007	Thanh Hoá	6.4	7.1	7.1	5.7	**6.58**	
1087	31	2025600512	Lê	Na	12/01/2007	Hà Tĩnh	6.7	7.4	8.8	8.1	**7.75**	
1088	32	2025600804	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	08/11/2007	Hà Nội	6.4	6.9	7.8	8.5	**7.40**	
1089	33	2025600158	Phạm Kim	Ngân	15/09/2007	Hà Nội	7.3	8.2	8.4	9.8	**8.43**	
1090	34	2025600405	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/07/2007	Nghệ An	6.4	6.9	7.1	8.7	**7.28**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1091	35	2025600485	Trần Hồng	Nhung	05/12/2007	Hưng Yên	7.1	7.1	7.1	8.7	**7.50**	
1092	36	2025600423	Mẫn Linh	Phương	29/07/2007	Hà Nội	7.8	7.1	6.4	7.8	**7.28**	
1093	37	2025600435	Trần Thị Minh	Tâm	16/11/2007	Phú Thọ	6.4	7.1	7.8	7.8	**7.28**	
1094	38	2025600230	Nguyễn Thị Thu	Thanh	01/10/2007	Hồ Chí Minh	7.1	6.9	7.8	8.7	**7.63**	
1095	39	2025600269	Phạm Hoàng Phương	Thảo	16/06/2007	Hải Phòng	7.1	7.1	6.4	7.8	**7.10**	
1096	40	2025600484	Đinh Thị Minh	Tho	13/12/2007	Ninh Bình	7.8	7.1	5.7	8.5	**7.28**	
1097	41	2025600750	Trần Thị	Thoả	12/09/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.1	7.1	**7.10**	
1098	42	2025600111	Nguyễn Thanh	Trường	26/01/2007	Hà Nội	6.3	7.0	8.4	9.3	**7.75**	
1099	43	2025600266	Nguyễn Trọng	Trưởng	03/05/2007	Hải Phòng	6.3	7.0	7.7	7.9	**7.23**	
1100	44	2025600297	Hoàng Quốc	Việt	13/11/2007	Thái Nguyên	7.2	7.2	7.7	7.2	**7.33**	
1101	45	2025600107	Bùi Tường	Vy	27/09/2007	Hải Phòng	7.1	6.4	7.1	7.1	**6.93**	
1102	46	2025600350	Đoàn Ngọc	Yến	25/10/2007	Hải Phòng	7.8	7.1	7.8	7.8	**7.63**	
1103	47	2025600514	Lê Thị Ngọc	Yến	02/11/2006	Thanh Hoá	7.8	7.1	7.8	7.1	**7.45**	
*		***Ngành: Thương mại điện tử (DHTM2-K10)***										
1104	1	2025601224	Nguyễn Thùy	Anh	21/05/2007	Hà Nội	6.4	7.1	7.8	5.7	**6.75**	
1105	2	2025601095	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	16/01/2007	Hải Phòng	5.7	7.1	7.8	6.4	**6.75**	
1106	3	2025600904	Đinh Thị Vân	Chinh	02/03/2007	Hồ Chí Minh	8.2	8.4	9.1	9.1	**8.70**	
1107	4	2025601348	Nguyễn Thị Bích	Diệp	19/07/2007	Bắc Ninh	5.7	7.1	6.4	7.1	**6.58**	
1108	5	2025600850	Nguyễn Hoàng	Duy	23/03/2007	Phú Thọ	7.5	7.4	8.1	9.0	**8.00**	
1109	6	2025600972	Lỗ Ngân	Giang	18/06/2007	Hà Nội	6.4	6.4	7.1	7.8	**6.93**	
1110	7	2025601192	Dương Nguyễn Hồng	Hà	28/09/2007	Đắk Lắk	6.6	7.3	8.7	8.0	**7.65**	
1111	8	2025601353	Trần Thị Hồng	Hạnh	18/09/2007	Hải Phòng	6.4	6.4	7.1	7.1	**6.75**	
1112	9	2025601089	Nguyễn Việt	Hào	11/01/2007	Hà Nội	5.6	6.5	7.7	7.9	**6.93**	
1113	10	2025601233	Nguyễn Thị	Hậu	23/10/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	7.1	6.6	**6.80**	
1114	11	2025601341	Trần Văn	Hoàn	23/12/2007	Nghệ An	5.8	6.3	7.7	7.2	**6.75**	
1115	12	2025601204	Nguyễn Quốc	Hoàng	15/02/2007	Hà Nội	6.5	7.2	7.7	7.9	**7.33**	
1116	13	2025600867	Đinh Thị	Hợp	02/01/2007	Hà Nội	6.4	6.6	6.4	7.3	**6.68**	
1117	14	2025601171	Nguyễn Lệ	Huế	06/05/2007	Hà Nội	7.1	7.3	7.1	8.7	**7.55**	
1118	15	2025601267	Nguyễn Hữu Quốc	Huy	16/05/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.7	6.5	**6.88**	
1119	16	2025600828	Phạm Đinh Quốc	Huy	03/05/2007	Hồ Chí Minh	7.0	7.0	8.4	6.5	**7.23**	
1120	17	2025601361	Vũ Ánh	Huyền	16/03/2007	Ninh Bình	7.1	6.6	8.5	7.1	**7.33**	
1121	18	2025600953	Chu Thị Quỳnh	Hương	14/05/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	8.0	**7.50**	
1122	19	2025601068	Trần Quốc	Khánh	07/01/2007	Phú Thọ	6.3	7.0	7.7	7.2	**7.05**	
1123	20	2025600842	Bàn Phúc	Khiêm	16/11/2007	Thái Nguyên	7.0	7.0	7.0	7.9	**7.23**	
1124	21	2025600959	Nguyễn Đình	Khởi	26/02/2007	Thanh Hoá	6.3	6.3	7	5.8	**6.35**	
1125	22	2025600887	Đào Thị Thùy	Linh	03/09/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.8	6.6	**7.15**	
1126	23	2025601219	Đinh Nguyễn Thảo	Linh	25/02/2007	Sơn La	7.1	7.1	7.8	7.8	**7.45**	
1127	24	2025600929	Nguyễn Vũ Thùy	Linh	12/09/2007	Ninh Bình	5.7	6.2	8.5	7.8	**7.05**	
1128	25	2025601377	Phạm Thị Mai	Linh	20/08/2007	Hưng Yên	5.7	7.1	8.5	8.5	**7.45**	
1129	26	2025601378	Trần Thảo	Linh	04/11/2007	Bắc Ninh	7.4	7.4	8.8	8.8	**8.10**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1130	27	2025601036	Lê Hồng	Lĩnh	01/11/2007	Hà Nội	6.4	7.1	8.5	7.8	**7.45**	
1131	28	2025601290	Nguyễn Quỳnh Hoa	Mai	13/04/2007	Phú Thọ	7.8	7.1	7.8	7.8	**7.63**	
1132	29	2025601370	Đỗ Ngọc	Minh	22/07/2007	Phú Thọ	5.8	6.3	7.0	7.9	**6.75**	
1133	30	2025600931	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	26/10/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	8.5	**7.63**	
1134	31	2025601136	Lô Thị	Nhung	08/04/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	5.7	**6.93**	
1135	32	2025601305	Vũ Duy	Phong	04/07/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.0	7.9	**7.05**	
1136	33	2025601112	Đỗ Bích	Phương	04/09/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.1	6.4	**6.93**	
1137	34	2025601083	Vũ Thị Thu	Phương	24/09/2007	Ninh Bình	5.8	7.1	7.8	7.3	**7.00**	
1138	35	2025601140	Nguyễn Văn	Tài	14/05/2007	Thanh Hoá	6.3	7.0	7.0	7.2	**6.88**	
1139	36	2025601236	Bùi Đức	Thành	16/01/2007	Quảng Ninh	6.3	7.0	7.9	5.8	**6.75**	
1140	37	2025601130	Trần Phương	Thảo	02/12/2007	Nghệ An	7.1	7.8	7.1	9.2	**7.80**	
1141	38	2025600986	Phùng Thị Thanh	Thủy	23/07/2007	Bắc Ninh	8.0	7.8	7.8	6.4	**7.50**	
1142	39	2025601331	Đỗ Thị Anh	Thư	22/07/2007	Hưng Yên	5.5	6.2	7.8	7.1	**6.65**	
1143	40	2025600878	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/10/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	7.8	**7.45**	
1144	41	2025601254	Nguyễn Thị	Thương	20/05/2007	Hải Phòng	7.8	7.6	7.8	7.1	**7.58**	
1145	42	2025601614	Hoàng Thị Minh	Trang	25/11/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.8	6.4	**7.10**	
1146	43	2025601044	Trần Thị Thu	Trang	31/10/2007	Hưng Yên	7.8	7.8	7.1	6.4	**7.28**	
1147	44	2025601196	Lê Quang	Vinh	18/01/2007	Hà Nội	5.8	7.2	8.1	7.9	**7.25**	
1148	45	2025601032	Phạm Thảo	Yến	04/12/2007	Sơn La	8.0	8.1	8.1	8.1	**8.08**	
*		***Ngành: Thương mại điện tử (DHTM3-K10)***										
1149	1	2025601867	Trần Thị Ngọc	Anh	16/09/2007	Phú Thọ	7.1	5.7	7.8	6.6	**6.80**	
1150	2	2025601636	Phạm Quốc	Anh	27/02/2007	Hưng Yên	7.0	5.6	7.2	8.6	**7.10**	
1151	3	2025601707	Chu Thị Ngọc	Ánh	16/07/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	6.4	8.7	**7.15**	
1152	4	2025602017	Nguyễn Nhật	Ánh	11/10/2007	Bắc Ninh	6.4	7.1	6.4	8.5	**7.10**	
1153	5	2025601462	Vũ Thị Ngọc	Bích	31/08/2007	Bắc Ninh	7.1	6.4	6.4	5.7	**6.40**	
1154	6	2025601929	Lê Mạnh	Cương	12/10/2007	Hà Nội	7.0	6.3	7.2	7.2	**6.93**	
1155	7	2025601808	Nguyễn Văn	Cường	06/08/2007	Thanh Hoá	7.0	6.3	7.9	7.9	**7.28**	
1156	8	2025601639	Đinh Thị Diệu	Châu	02/10/2007	Hà Nội	7.1	7.8	6.4	7.3	**7.15**	
1157	9	2025601843	Nguyễn Thị Linh	Chi	28/11/2007	Nghệ An	7.1	7.8	6.4	7.3	**7.15**	
1158	10	2025601405	Nguyễn Tấn	Dũng	24/12/2007	Ninh Bình	6.5	7.9	7.2	7.9	**7.38**	
1159	11	2025601526	Trần Khánh	Duy	07/06/2007	Hà Tĩnh	6.3	7.0	6.5	7.7	**6.88**	
1160	12	2025601897	Nguyễn Hồng	Duyên	09/07/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.1	7.1	**7.10**	
1161	13	2025600367	Vũ Thị Mỹ	Duyên	12/04/2007	Bắc Ninh	7.1	7.1	7.1	8.0	**7.33**	
1162	14	2025601726	Nguyễn Thị Hà	Giang	16/10/2007	Hải Phòng	7.8	7.8	7.8	7.3	**7.68**	
1163	15	2025601695	Hoàng Thị Minh	Hằng	28/03/2007	Lai Châu	7.1	7.3	7.8	6.6	**7.20**	
1164	16	2025601996	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	06/03/2007	Hà Nội	6.3	5.6	6.5	7.7	**6.53**	
1165	17	2025602041	Phạm Công	Hoan	28/11/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	6.5	8.4	**6.88**	
1166	18	2025601925	Nguyễn Thanh Huy	Hoàng	15/11/2007	Hà Nội	6.3	6.3	6.5	8.6	**6.93**	
1167	19	2025601807	Hà Đức	Huy	04/11/2007	Thanh Hoá	6.3	6.3	7.2	7.7	**6.88**	
1168	20	2025601482	Trịnh Gia	Huy	27/03/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	6.5	8.6	**7.28**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1169	21	2025601739	Nguyễn Thị Vân	Hương	14/01/2007	Thái Nguyên	6.6	8.0	7.8	8.0	**7.60**	
1170	22	2025601642	Đặng Đức Trung	Kiên	29/05/2007	Bắc Ninh	7.9	8.1	8.8	8.8	**8.40**	
1171	23	2025602040	Phạm Thị	Khanh	16/11/2007	Hưng Yên	6.4	6.4	7.1	9.2	**7.28**	
1172	24	2025601658	Trần Thị Khánh	Linh	05/09/2007	Nghệ An	7.8	7.1	8.7	7.3	**7.73**	
1173	25	2025601440	Phạm Thành	Lương	27/04/2007	Hà Nội	6.3	5.6	6.5	7.9	**6.58**	
1174	26	2025601916	Trần Duy	Nam	06/04/2007	Hưng Yên	6.3	6.3	7.2	7.2	**6.75**	
1175	27	2025601770	Nguyễn Trọng	Nguyên	10/09/2007	Bắc Ninh	6.3	7.9	8.6	7.0	**7.45**	
1176	28	2025601933	Nguyễn Đình	Phúc	26/01/2007	Hà Nội	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
1177	29	2025601530	Vũ Hồng	Phúc	10/05/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	8.1	7.9	**7.50**	
1178	30	2025601653	Đinh Thị Hoài	Phương	01/10/2007	Đồng Nai	7.6	7.8	8.2	7.8	**7.85**	
1179	31	2025601740	Trần Văn	Quang	22/10/2007	Hưng Yên	7.0	7.7	7.2	7.2	**7.28**	
1180	32	2025601431	Nguyễn Quang	Quân	19/10/2007	Hà Nội	6.8	7.0	7.2	7.9	**7.23**	
1181	33	2025601491	Nguyễn Văn	Tùng	15/03/2007	Hải Phòng	6.3	5.6	6.5	7.9	**6.58**	
1182	34	2025601801	Đinh Thị Diệu	Thoa	26/11/2007	Hà Nội	7.1	7.8	7.8	8.0	**7.68**	
1183	35	2025601748	Đặng Thị	Thúy	18/02/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.8	8.7	**7.68**	
1184	36	2025601717	Lương Thị Anh	Thư	03/02/2007	Hải Phòng	7.1	7.8	8.0	8.0	**7.73**	
1185	37	2025601436	Trần Thị Cẩm	Vân	11/11/2007	Hà Nội	7.1	8.0	8.0	7.8	**7.73**	
1186	38	2025601628	Nguyễn Thị Yến	Vy	28/07/2007	Nghệ An	7.1	7.1	8.0	7.8	**7.50**	
*		***Ngành: Thiết kế thời trang (DHTT1-K10)***										
1187	1	2025600591	Nguyễn Lệ	An	22/05/2007	Hà Nội	8.1	8.0	7.8	8.5	**8.10**	
1188	2	2025600139	Đinh Thị Vân	Anh	06/10/2007	Thái Nguyên	7.3	7.3	7.1	7.1	**7.20**	
1189	3	2025600196	Lê Thị Minh	Anh	10/10/2007	Lào Cai	7.3	6.6	7.1	7.1	**7.03**	
1190	4	2025600477	Nguyễn Hà	Anh	18/07/2007	Bắc Ninh	5.7	6.6	7.3	7.8	**6.85**	
1191	5	2025600472	Nguyễn Mai	Anh	28/07/2007	Hưng Yên	6.4	5.9	7.1	7.8	**6.80**	
1192	6	2025600261	Trần Hà	Anh	19/05/2007	Hà Nội	7.3	7.3	8.2	8.0	**7.70**	
1193	7	2025600163	Hoàng Khánh	Băng	09/10/2007	Phú Thọ	6.4	8.0	7.1	8.0	**7.38**	
1194	8	2025600176	Nguyễn Minh	Châu	09/05/2007	Hà Nội	7.1	7.1	7.1	8.5	**7.45**	
1195	9	2025600247	Hoàng Khánh	Chi	25/10/2007	Ninh Bình	7.1	7.1	6.6	6.4	**6.80**	
1196	10	2025600478	Lê Thị Kim	Dung	13/09/2007	Ninh Bình	5.7	7.3	7.3	5.7	**6.50**	
1197	11	2025600447	Đinh Nguyệt Ánh	Dương	09/07/2007	Ninh Bình	5.7	7.1	7.1	7.8	**6.93**	
1198	12	2025600149	Nguyễn Thu	Giang	24/12/2007	Ninh Bình	7.1	7.8	7.3	7.1	**7.33**	
1199	13	2025600618	Đào Ngọc	Hằng	18/12/2007	Thái Nguyên	7.0	7.2	7.9	7.9	**7.50**	
1200	14	2025600841	Nguyễn Ngọc	Hằng	18/11/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	6.5	7.2	**6.93**	
1201	15	2025600102	Trần Văn	Hiển	14/03/2007	Hải Phòng	7.0	6.3	7.2	5.8	**6.58**	
1202	16	2025600933	Phạm Thị Mai	Hoa	11/01/2007	Hải Phòng	6.3	6.3	7.2	9.3	**7.28**	
1203	17	2025600122	Trần Bích	Hồng	25/06/2007	Ninh Bình	7.2	7.2	7.2	7.9	**7.38**	
1204	18	2025600448	Nguyễn Thị	Huế	30/03/2007	Thái Nguyên	7.0	7.2	7.2	7.9	**7.33**	
1205	19	2025600130	Dương Khánh	Huyền	17/09/2007	Phú Thọ	7.0	7.2	7.2	6.3	**6.93**	
1206	20	2025600751	Phan Thị Thanh	Huyền	11/04/2007	Nghệ An	6.5	7.2	8.8	8.8	**7.83**	
1207	21	2025600727	Trần Vân	Khánh	08/09/2007	Thái Nguyên	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1208	22	2025600688	Đàm Khánh	Linh	11/05/2007	Hà Nội	6.5	7.2	7.2	7.2	**7.03**	
1209	23	2025600662	Nguyễn Ngọc	Linh	04/01/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.2	6.5	**6.93**	
1210	24	2025600507	Nguyễn Thị Diệu	Linh	29/09/2007	Hưng Yên	7.2	7.0	7.2	9.3	**7.68**	
1211	25	2025600709	Nguyễn Thị Phương	Linh	20/01/2007	Hải Phòng	6.5	7.9	7.0	7.9	**7.33**	
1212	26	2025600093	Dương Hà	Ly	27/08/2007	Hà Nội	6.5	7.0	7.2	8.8	**7.38**	
1213	27	2025600191	Nguyễn Hương	Ly	01/12/2007	Thái Nguyên	7.0	7.0	8.1	8.6	**7.68**	
1214	28	2025600610	Nguyễn Thị	Mai	02/01/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	8.8	7.9	**7.68**	
1215	29	2025600742	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	17/07/2007	Ninh Bình	7.9	7.0	8.1	6.5	**7.38**	
1216	30	2025600611	Lê Quang	Minh	08/12/2007	Phú Thọ	6.3	7.0	6.5	7.7	**6.88**	
1217	31	2025600501	Lê Thị Bích	Ngọc	11/12/2007	Hưng Yên	6.3	6.3	6.7	6.3	**6.40**	
1218	32	2025600351	Trần Thị Anh	Nhật	07/01/2007	Hưng Yên	7.0	7.2	8.1	7.2	**7.38**	
1219	33	2025600762	Lê Thị Ngọc	Nhi	11/09/2007	Hà Nội	6.3	6.3	8.1	7.7	**7.10**	
1220	34	2025600381	Vũ Thị Yến	Nhi	16/08/2007	Hưng Yên	7.2	7.2	7.4	7.0	**7.20**	
1221	35	2025600516	Bùi Minh	Tâm	14/10/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.4	7.9	**7.15**	
1222	36	2025600555	Nguyễn Thị Minh	Tâm	05/05/2007	Hà Nội	7.2	7.7	8.1	8.6	**7.90**	
1223	37	2025600422	Giang Văn	Toàn	18/08/2007	Hà Nội	5.6	6.5	7.2	7.7	**6.75**	
1224	38	2025600612	Hoàng Ngọc	Tú	16/04/2007	Tuyên Quang	6.3	7.7	7.2	8.6	**7.45**	
1225	39	2025600717	Đỗ Thị Thanh	Thảo	13/05/2007	Hải Phòng	7.2	7.0	6.5	7.9	**7.15**	
1226	40	2025600202	Bùi Văn	Thảo	19/04/2007	Phú Thọ	5.6	7.0	7.2	7.0	**6.70**	
1227	41	2025600352	Phạm Anh	Thư	03/10/2007	Hải Phòng	6.3	7.2	7.9	7.9	**7.33**	
1228	42	2025600935	Lê Thị Thu	Trang	19/10/2007	Hải Phòng	7.0	7.7	8.1	7.9	**7.68**	
1229	43	2025600105	Nguyễn Hà Quỳnh	Trang	25/10/2007	Hải Phòng	6.5	7.7	7.4	8.6	**7.55**	
1230	44	2025600827	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/11/2007	Hưng Yên	7.0	7.0	7.4	7.9	**7.33**	
1231	45	2025600800	Nguyễn Bảo	Trâm	13/04/2007	Hưng Yên	7.0	7.7	8.1	6.5	**7.33**	
1232	46	2025600370	Trần Hữu Quốc	Trung	28/07/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.2	7.9	**7.10**	
1233	47	2025600109	Đặng Phương	Uyên	29/03/2007	Nghệ An	6.5	6.5	8.1	8.1	**7.30**	
1234	48	2025600683	Nguyễn Đại	Vĩ	24/07/2006	Hà Nội	5.8	5.8	8.8	8.1	**7.13**	
1235	49	2025600159	Trần Thị Thảo	Vy	26/03/2007	Ninh Bình	7.0	6.3	7.2	7.9	**7.10**	
1236	50	2025600473	Nguyễn Thanh	Xuân	09/12/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.2	5.6	**6.53**	
*		***Ngành: Thiết kế thời trang (DHTT2-K10)***										
1237	1	2025601497	Lê Phương	Anh	28/05/2007	Hưng Yên	8.1	8.1	8.8	8.8	**8.45**	
1238	2	2025601326	Nguyễn Mai Quỳnh	Anh	10/10/2007	Phú Thọ	7.2	7.2	8.8	8.8	**8.00**	
1239	3	2025600705	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2007	Hải Phòng	7.7	7.2	7.9	7.2	**7.50**	
1240	4	2025600974	Phạm Lan	Anh	04/09/2007	Hưng Yên	6.4	6.3	6.7	8.6	**7.00**	
1241	5	2025601554	Sái Mai	Anh	12/12/2006	Bắc Ninh	7.2	6.5	7.0	7.9	**7.15**	
1242	6	2025601703	Trịnh Thị Ngọc	Anh	28/02/2007	Thanh Hoá	7.2	7.2	7.9	8.6	**7.73**	
1243	7	2025601607	Trịnh Tuyết	Anh	08/10/2007	Ninh Bình	6.3	7.0	7.2	8.4	**7.23**	
1244	8	2025600965	Trần Lê Ngọc	Ánh	29/12/2007	Hà Nội	6.3	7.0	7.2	7.7	**7.05**	
1245	9	2025601646	Vũ Thanh	Bình	07/12/2007	Thanh Hoá	5.6	6.3	7.2	7.7	**6.70**	
1246	10	2025601160	Phạm Bảo	Châu	17/01/2007	Hà Nội	6.1	7.2	8.1	7.7	**7.28**	

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Kết quả					Ghi chú
							HP1	HP2	HP3	HP4	TBC	
1247	11	2025601686	Nguyễn Hoàng Việt	Chi	08/10/2007	Bắc Ninh	6.3	7.0	7.9	7.2	**7.10**	
1248	12	2025601561	Đoàn Thị Hồng	Diễm	11/09/2007	Ninh Bình	7.2	7.2	7.2	8.6	**7.55**	
1249	13	2025601994	Nguyễn Hồng	Diệp	19/03/2007	Hà Nội	6.3	7.2	7.9	7.2	**7.15**	
1250	14	2025601724	Nguyễn Thị	Dung	20/05/2007	Nghệ An	5.6	7.0	7.9	7.9	**7.10**	
1251	15	2025601156	Phạm Văn	Dũng	21/07/2007	Hà Nội	6.3	6.3	7.2	9.1	**7.23**	
1252	16	2024600248	Đào Thị Thảo	Duyên	05/11/2005	Hà Nội	7.0	7.0	7.9	5.8	**6.93**	
1253	17	2025600950	Lê Thị Trà	Giang	24/01/2007	Hà Nội	6.3	7.0	6.5	7.2	**6.75**	
1254	18	2025601451	Đinh Trần Ngọc	Hà	18/10/2007	Thái Nguyên	7.0	7.0	6.5	7.7	**7.05**	
1255	19	2025601733	Đinh Thị	Huệ	13/12/2007	Hưng Yên	7.3	7.0	6.5	7.2	**7.00**	
1256	20	2025601671	Hoàng Thị	Kiều	26/03/2007	Hưng Yên	7.7	7.7	7.2	7.9	**7.63**	
1257	21	2025601336	Nguyễn Khánh	Linh	03/10/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	7.2	7.7	**7.23**	
1258	22	2025601118	Nguyễn Vũ	Linh	15/07/2007	Hà Nội	7.0	7.0	7.9	7.2	**7.28**	
1259	23	2025601094	Trần Thị Khánh	Linh	30/01/2007	Bắc Ninh	7.2	7.2	8.8	8.1	**7.83**	
1260	24	2025601834	Lê Thị Bích	Loan	30/11/2007	Bắc Ninh	7.0	7.2	7.2	5.8	**6.80**	
1261	25	2025601295	Trần Thị Thu	Lương	03/10/2007	Bắc Ninh	7.2	7.0	7.9	6.5	**7.15**	
1262	26	2025602043	Vũ Thị Phương	Mai	14/01/2007	Hưng Yên	6.3	7.0	7.2	7.0	**6.88**	
1263	27	2025601860	Mai Hà	My	30/10/2007	Hà Nội	5.6	7.0	6.5	8.4	**6.88**	
1264	28	2025601493	Nguyễn Hải	Nam	30/11/2006	Hà Nội	5.6	5.6	7.2	7.7	**6.53**	
1265	29	2025601623	Trịnh Thúy	Nga	29/04/2007	Thanh Hoá	7.0	6.3	7.2	7.0	**6.88**	
1266	30	2025601679	Nguyễn Bá	Nghĩa	15/03/2007	Bắc Ninh	6.3	5.6	7.2	7.2	**6.58**	
1267	31	2025601605	Đỗ Thị Bảo	Ngọc	11/09/2007	Ninh Bình	6.3	6.3	7.2	6.3	**6.53**	
1268	32	2025601906	Phan Như	Ngọc	10/08/2007	Thái Nguyên	7.0	7.7	7.9	6.5	**7.28**	
1269	33	2025601865	Đỗ Yến	Nhi	15/04/2007	Hà Nội	7.0	6.3	7.9	7.7	**7.23**	
1270	34	2025600538	Vũ Phương	Nhi	22/08/2007	Ninh Bình	7.0	7.0	7.2	7.9	**7.28**	
1271	35	2025601777	Trần Phương	Nhung	16/02/2007	Hà Nội	7.2	6.3	7.9	8.4	**7.45**	
1272	36	2025601853	Trương Thị Thùy	Nhung	28/02/2007	Hải Phòng	7.0	7.0	7.2	8.6	**7.45**	
1273	37	2025601393	Nguyễn Phương	Oanh	11/02/2007	Bắc Ninh	7.0	6.3	5.8	7.9	**6.75**	
1274	38	2025601769	Phạm Văn	Quý	13/05/2007	Thanh Hoá	7.0	7.0	7.9	7.9	**7.45**	
1275	39	2025601314	Ngô Văn	Toàn	08/03/2007	Bắc Ninh	7.0	7.7	7.2	6.5	**7.10**	
1276	40	2025601051	Phạm Thị Phương	Thảo	03/01/2007	Hưng Yên	7.0	6.3	7.2	7.2	**6.93**	
1277	41	2025601150	Lê Thị	Thấn	08/01/2007	Bắc Ninh	7.0	7.0	7.2	7.9	**7.28**	
1278	42	2025601943	Kiều Thị Huyền	Trang	27/04/2007	Hà Nội	7.2	7.0	7.2	6.7	**7.03**	
1279	43	2025601570	Trần Huyền	Trang	01/10/2005	Ninh Bình	7.0	7.2	7.2	8.6	**7.50**	
1280	44	2025601162	Nguyễn Thanh	Vân	01/09/2007	Bắc Ninh	6.5	7.0	8.6	8.6	**7.68**	
1281	45	2025601924	Phạm Thị Bảo	Vân	25/05/2006	Hải Phòng	7.0	7.0	7.2	7.2	**7.10**	
1282	46	2025601886	Nguyễn Hải	Vũ	06/10/2005	Hà Nội	6.3	5.6	7.9	7.9	**6.93**	
*	***Ngành: Quản lý công nghiệp (DHQL2-K6)***											
1283	1	2150040097	Nguyễn Thị Kim	Yến	6/20/2003	Hồ Chí Minh	7.0	7.2	7.2	7.9	**7.33**	
*	***Ngành: Công nghệ sợi dệt (DHSD1-K9)***											
1284	1	2024600728	Nguyễn Thị Minh	Huyền	30/12/2005	Hải Phòng	5.6	7.0	6.5	7.2	**6.58**	
1285	2	2024600105	Trần Thuỳ	Linh	09/11/2006	Hà Nội	6.5	7.2	8.1	6.0	**6.95**	
1286	3	2024600099	Lê Thị Thanh	Xuân	17/12/2006	Hưng Yên	5.6	7.0	7.9	7.9	**7.10**	

(Ấn định danh sách bao gồm 1286 sinh viên)